

QUYỂN I – KHOA HỌC

Tác giả xin kính dâng bộ sách này cho Hội Thông Thiên Học, được sáng lập ở New York, năm 1875 sau Công nguyên, ĐỂ HỘI NGHIÊN CỨU NHỮNG ĐỀ TÀI MÀ BỘ SÁCH BÀN TỚI.

CHƯƠNG VI

CÁC HIỆN TƯỢNG THÔNG LINH VẬT THỂ.

- . Chúng ta chịu ơn Paracelsus.
- . Thuật thôi miên Mesmer – nguồn gốc, sự tiếp thu, tiềm năng.
- “Thuật trặc tâm”.
- Thời gian, Không gian, Vĩnh hằng.
- Việc chuyển năng lượng từ vũ trụ hữu hình sang vũ trụ vô hình.
- Các thí nghiệm của Crookes và thuyết của Cox.

“Hỡi Hermes, ngài bao giờ cũng là người mang mệnh lệnh của ta . . .

Thế thì ngài hãy cầm lấy cây gậy của mình dùng nó tùy ý khép kín mí mắt của kẻ phạm phư
lại,

Và tùy ý làm cho kẻ đang ngủ thức tỉnh trở lại.”

Odyssey. Quyển V.

“Tôi thấy những cái nhẫn của Samothrace

Nhảy lên và các mặt giữa bằng thép sôi sục trong cái đĩa bằng đồng thau

Ngay khi ở bên dưới nó ta đặt một đá nam châm và sắt thép bay tung tóe ra từ đó dường
như với sự khùng khiếp điên dại cho thù ghét nó một cách nghiêm khắc . . .”

Lucretius, Quyển VI

Nhưng điều đặc biệt phân biệt Hội đoàn Huynh đệ (Quần tiên Hội) là họ có kiến thức tuyệt
vời về các phương kế của y thuật. Họ không dùng bùa ngải mà dùng dược thảo.”

*(Bản thảo Tường trình về Nguồn gốc và các Thuộc tính của môn đồ Hoa hồng Thập tự Chân
chính.)*

Một trong những điều đúng sự thật nhất mà một nhà khoa học đã từng nói ra chính
là nhận xét của Giáo sư Crookes trong tác phẩm *Hóa học Mới*. “Lịch sử Khoa học cho thấy
rằng phải chuẩn bị thời đại trước khi các sự thật khoa học có thể bén rễ và tăng trưởng.
Dự cảm khô khan của khoa học vẫn cứ khô cằn vì các hạt giống sự thật được gieo trên
đất cằn cỗi, và ngay khi thời kỳ phong phú đã đến thì hạt giống bèn bén rễ và trái cây đã
chín muồi . . . mọi môn sinh đều lấy làm lạ khi khám phá ra ngay cả bậc thiên tài vĩ đại
nhất cũng chỉ thêm được một chút xíu phần hùn sự thật mới vào cho kho dự trữ đã có
trước”.

Cuộc cách mạng mà khoa Hóa học vừa mới trải qua đã được tính toán kỹ để tập
trung chú tâm các nhà hóa học vào sự kiện này và chẳng có gì lấy làm lạ nếu trong thời
gian ít hơn mà ta cần phải thực hiện thì thiên hạ đã khảo cứu những lời rêu rao của các
nhà luyện kim đan một cách vô tư và nghiên cứu chúng theo quan điểm thuần lý. Việc
bắc cầu ngang qua vực thẳm hẹp giờ đây đang ngăn cách môn hóa học *mới* với khoa
luyện kim đan *cũ* cũng chẳng khó khăn gì hơn (nếu có) so với mức người ta làm được khi
đi từ nhị nguyên luận sang định luật Avogadro.

Cũng như Ampère đã có công giới thiệu Avogadro cho các nhà hóa học đương đại, cũng vậy Reichenbach có lẽ một ngày kia ắt tỏ ra là đã dọn đường bằng chất OD để cho thiên hạ thẩm định đúng đắn được Paracelsus. Chỉ mới hơn 50 năm trước khi các phân tử được chấp nhận là các đơn vị tính toán của hóa học; có lẽ ta cần ít hơn một nửa thời gian đó để khiến cho công lao tốt bụng của nhà thần bí Thụy sĩ được công nhận. Đoạn văn cảnh báo về những đồng cốt chữa bệnh ^[1] mà ta sẽ tìm thấy ở đâu đó có thể đã được viết ra bởi một người đã đọc tác phẩm của ông. Ông nói rằng: "Bạn phải hiểu rằng nam châm là cái chân linh sự sống nơi con người mà kẻ bị truyền nhiễm mưu tìm, vì cả hai đều kết hợp với sự hỗn mang từ bên ngoài. Và như vậy người lành mạnh bị nhiễm bệnh từ kẻ bệnh tật do sức hút của từ khí".

Các nguyên nhân ban sơ của bệnh tật ảnh hưởng tới loài người, các quan hệ bí mật giữa sinh lý học và tâm lý học mà các nhà khoa học hiện đại đã hoài công làm sai lạc về một manh mối nào đó để cho những suy đoán của họ dựa vào đấy, những thuốc đặc trị và những phương thuốc chữa mọi căn bệnh của thể xác con người – tất cả đều được mô tả và giải thích trong những tác phẩm đồ sộ của ông. Điện từ (cái gọi là *khám phá* của Giáo sư Oersted) đã được Paracelsus sử dụng trước đó ba thế kỷ. Ta có thể chứng tỏ điều này bằng cách khảo sát phê phán phương thức chữa bệnh của ông. Ta không cần phải bàn rộng về thành tựu của ông trong lãnh vực hóa học vì những tác giả công minh và không thành kiến đã công nhận rằng ông là một trong các nhà hóa học vĩ đại nhất đương thời ^[2]. Brierre de Boismont gọi ông là một "thiên tài" và đồng ý với Deleuze rằng ông đã tạo ra một thời kỳ mới trong lịch sử y học. Bí quyết thành công của ông (họ gọi đó là việc chữa bệnh bằng pháp thuật cốt ở nơi việc ông hoàn toàn coi thường cái gọi là các nhà bác học "có thẩm quyền" vào thời đó. Paracelsus nói: "Muốn mưu cầu chân lý ư, tôi tự xét rằng nếu trên thế giới không có vị thầy y khoa nào thì làm sao tôi khởi sự học y thuật? Không còn cách nào khác là học nơi quyển sách bỏ ngỏ vĩ đại của thiên nhiên do chính tay Thượng Đế viết ra . . . Tôi bị buộc tội và tố cáo là đã không đi vào đúng cửa của y thuật. Nhưng đúng cửa là thể nào chứ? Galen, Avicenna, Mesue, Rhasis hay là người có bản chất trung thực? Tôi tin là bản chất trung thực! Tôi nhập vào qua cánh cửa đó và ánh sáng của thiên nhiên (chứ không phải ánh đèn của người bào chế thuốc) đã soi đường chỉ lối cho tôi."

Việc hoàn toàn khinh thường những định luật đã được xác lập và những công thức của khoa học, việc khao khát hòa lẫn đất bụi của kẻ phạm phu với tinh linh ngũ hành thiên nhiên và chỉ mưu tìm sức khỏe, sự trợ giúp và ánh sáng chân lý của nó thôi, chính là nguyên nhân khiến cho người lùn đương đại tỏ ra ghét cay ghét đắng triết gia lửa và nhà luyện kim đan ấy. Chẳng lấy gì làm lạ khi ông bị buộc tội là lang băm và thậm chí là say bét nhè nữa. Hammann đã can đảm và vô úy miễn trừ cho ông lời buộc tội say sưa và chứng tỏ rằng lời buộc tội đê tiện ấy xuất phát từ "Oporinus, y đã từng có thời sống chung với ông để học lóm bí quyết của ông, nhưng ý đồ của y đã bị bại lộ; vì thế cho nên mới có những tường trình độc ác của đám đệ tử của ông và những người bào chế thuốc". Ông sáng lập ra Trường phái Từ khí Động vật và phát hiện ra các tính chất huyền bí huyền bí của nam châm. Ông bị người đương thời bôi bác là kẻ phù thủy vì ông chữa bệnh thật là nhiệm màu. Ba thế kỷ sau, Nam tước Du Potet cũng bị Giáo hội La Mã buộc tội là phù thủy và sùng bái ma quỷ, còn các hàn lâm viện sĩ Âu châu buộc tội ông là lang băm. Các triết gia lửa có nói nhà hóa học ắt không chịu hạ cổ xem xét "lửa sống động"

[1] Trích từ Báo Thần linh học của Luân đôn.

[2] Hemmann tác phẩm "Các Tiểu luân Phẫu thuật Y khoa", Bá linh, 1778.

khác hơn các đồng nghiệp của mình. “Họ đã quên mất điều mà cha ông họ đã dạy họ về lửa – hoặc nói cho đúng ra thì họ chưa bao giờ biết tới . . . nó *quá ồn ào* đối với họ!” [3].

Một tác phẩm bàn về triết lý pháp thuật tâm linh và khoa học huyền bí ắt không hoàn chỉnh nếu không đặc biệt lưu ý tới lịch sử về từ khí động vật đúng như thực trạng của nó từ khi Paracelsus dùng nó làm chứng hững các nhà kinh viện thuộc vào nửa sau thế kỷ 16.

Chúng ta sẽ quan sát ngắn gọn việc nó xuất hiện ở Paris khi được Anton Mesmer du nhập từ Đức về. Ta hãy nghiền ngẫm kỹ lưỡng và cẩn thận những tài liệu xưa cũ giờ đây đã bị mủn nát trong tàng thư của Hàn lâm viện Khoa học thủ đô Paris. Vì trong đó ta ắt thấy rằng sau khi đã đến lượt bác bỏ mọi khám phá từng được thực hiện từ thời Galileo, các *Viện sĩ hàn lâm* đã đạt đỉnh cao khi ngoảnh mặt quay lưng với từ khí và thuật thôi miên mesmer. Họ cố tình đóng sập cánh cửa lại trước mặt mình, cánh cửa sẽ dẫn tới những điều bí mật lớn lao nhất trong thiên nhiên vốn ẩn tàng trong những vùng âm u của thế giới thông linh cũng như của thế giới vật lý. Dung môi vạn năng vĩ đại Alkahest vốn ở trong tầm tay của họ mà họ còn để nó vượt thoát, rồi ngày nay sau khi gần 100 năm đã trôi qua chúng ta mới đọc thấy lời thú nhận sau đây:

“Quả thật là vượt ngoài giới hạn của sự quan sát trực tiếp, môn hóa học của ta chẳng hề không sai lầm, và các lý thuyết cũng như hệ thống của ta mặc dù tất cả đều *có thể* bao hàm một hạt nhân sự thật thì chúng vẫn cứ phải hay thay đổi và rất thường trải qua một cuộc cách mạng.” [4]

Nếu quả quyết một cách giáo điều rằng thuật thôi miên mesmer và từ khí động vật chẳng qua chỉ là ảo giác thì điều này lại hàm ý rằng ta có thể chứng tỏ được nó. Nhưng bằng chứng ấy ở đâu ra vì chỉ có nó mới có đủ thẩm quyền trong khoa học? Đã hàng ngàn lần người ta dành cho các hàn lâm viện sĩ cơ may chắc chắn được về sự thật của nó; nhưng lúc nào thì họ cũng từ chối. Các nhà thôi miên mesmer và nhà chữa bệnh bằng phép lạ thật hoài công triệu thỉnh tới sự chứng nhận của kẻ điếc, người què, người bệnh, người hấp hối; họ được chữa khỏi bệnh hoặc hồi sinh chỉ nhờ vào các thủ pháp và việc “đặt tay lên người” giống như thời thánh tông đồ. Người ta thường trả lời đó là “sự trùng hợp ngẫu nhiên”, khi sự kiện này quá hiển nhiên nên không thể hoàn toàn chối bỏ được; qua nhiều vị thánh Thomas thời chúng ta ưa có những lời lẽ đầu môi chót lưỡi là “ma trời”, “nói quá lời”, “lang băm”. Newton, nhà chữa bệnh nổi tiếng người Mỹ, đã chữa ngay tức khắc nhiều lần hơn một y sĩ nổi tiếng ở thành phố New York so với số bệnh nhân của ông trong suốt cuộc đời; Jacob người Zouave cũng đã thành công như thế ở Pháp. Vậy thì liệu ta có thể coi sự chứng nhận tích lũy của 40 năm vừa qua về đề tài này chỉ là ảo tưởng, đồng lõa với đám lang băm khéo léo hay điên rồ chẳng? Ngay cả việc hà hơi tiếp sức cho một sự trá ngụy ghê gớm như thế ắt cũng tương đương với một lời tự buộc tội là điên rồ.

Mặc dù có bản án gần đây của Leymarie, sự chế nhạo của những kẻ đa nghi và đại đa số các y sĩ và nhà khoa học, sự mất lòng dân của đề tài này và nhất là sự hành hạ không biết mệt của giới giáo sĩ Công giáo La mã, chiến đấu với thuật thôi miên mesmer là kẻ thù truyền thống của phụ nữ, song sự thật về hiện tượng lạ ấy vẫn hiển nhiên và không thể chinh phục được đến nỗi ngay cả thẩm phán đoàn Pháp cũng phải bắt buộc ngấm ngấm, mặc dù rất miễn cưỡng công nhận nó. Nhà *thần nhãn* nổi tiếng là bà Roger bị cáo buộc là kiếm tiền bằng những lời tự xưng tự mọc giả dối cùng với nhà thôi miên là

[3] Robert Fludd: “Khảo cứu III”.

[4] Giáo sư J. P. Cooke: “Hóa học Mới.”

bác sĩ Fortin. Ngày 18 tháng 5 năm 1876, bà bị truy tố trước *Tòa Tiểu hình* ở Seine. Nhân chứng của bà là Nam tước Du Potet, bậc thầy vĩ đại về thuật thôi miên mesmer ở Pháp trong vòng 50 năm vừa qua; luật sư bào chữa cho bà Jules Favre không kém phần trứ danh. Sự thật một lần nữa lại chiến thắng – bà được trắng án. Phải chăng lời hùng biện phi thường của nhà hùng biện hay những sự thật rành rành không chối cãi được và không bác bỏ được đã chiến thắng? Nhưng Leymarie, Tổng biên tập của *Tạp chí Thần linh học* cũng có những sự kiện ủng hộ mình; hơn nữa còn có bằng chứng của hơn 100 nhân chứng khả kính, trong số đó có những tên tuổi hàng đầu ở Âu châu. Chỉ có một câu trả lời cho vấn đề này: Các thẩm phán không dám nghi vấn về sự thật của thuật thôi miên mesmer. Người ta có thể giả mạo việc chụp hình vong linh, việc vong linh gõ nhẹ, viết lách, di chuyển, nói năng và thậm chí hiện hình; giờ đây ở Âu Mỹ hầu như chẳng có hiện tượng vật lý dị thường nào mà không thể được bắt chước nhờ vào dụng cụ của một kẻ sơn đông mõi võ khéo tay. Những điều kỳ diệu của thuật thôi miên mesmer và chỉ các hiện tượng nội giới thôi cũng đủ thách các kẻ lưu manh, kẻ đa nghi, khoa học nghiêm khắc và đám đông cốt không trung thực; còn *trạng thái cúng đờ thân thể ra thì không thể giả mạo được*. Các nhà thần linh học hẳn khoan muốn tuyên cáo sự thật của mình và áp đặt nó lên khoa học đều phải tra dồi hiện tượng lạ mesmer. Khi được đặt lên sân khấu ở Sảnh đường Ai cập, một kẻ mộng du đã đắm chìm vào một giấc ngủ sâu do thuật thôi miên mesmer. Ta hãy để cho nhà thôi miên mesmer phóng chơn linh được giải thoát của mình tới mọi nơi mà công chúng gợi ý, hãy trải nghiệm thần nhãn và thần nhĩ của y, hãy ghim các kim gút vào bất kỳ bộ phận nào trong cơ thể mà nhà thôi miên mesmer đã thực hiện các thủ pháp trên đó; cắm kim xuyên qua da bên dưới mí mắt của y, đốt cháy da thịt y và gạch nát nó bằng dụng cụ sắc nhọn. Regazzoni và Du Potet, Teste và Pierrard, Puysegur và Dolgorouky kêu toáng lên như sau: “Lo gì! – một đối tượng đã xuất thần hoặc thôi miên mesmer *chẳng bao giờ bị tổn hại*.” Và khi ta đã thực hiện mọi trò này thì hãy mời bất kỳ nhà phù thủy bình dân nào đương thời khao khát muốn quảng cáo láo và có lẽ tự xưng là mình đã khéo léo để bắt chước được mọi hiện tượng thần linh học, cứ thử nai lưng ra chịu các cuộc trải nghiệm như thế xem sao! ^[5].

Bài bào chữa của Jules Favre nghe đâu kéo dài một tiếng rưỡi đồng hồ khiến cho bồi thẩm đoàn và công chúng say mê vì thuật hùng biện ấy. Chúng tôi có nghe Jules Favre bào chữa cho nên dễ dàng tin vào điều đó; chỉ có điều là phát biểu thể hiện qua câu cuối cùng trong lập luận của ông tiếc thay là quá sớm và đồng thời còn sai lầm nữa. “Chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng lạ mà *khoa học công nhận* nhưng chẳng thêm giải thích. *Công chúng có thể mỉm cười*, nhưng các y sĩ lừng danh nhất coi đây là điều nghiêm trọng. Công lý chẳng còn có thể lờ đi điều mà *khoa học đã công nhận*.”

Nếu lời tuyên bố ủy mị này mà dựa vào sự thật và nếu thuật thôi miên đã được nhiều người khảo cứu một cách vô tư thay vì chỉ có một vài khoa học gia chân chính vì muốn có một bản chất truy vấn hơn là chỉ mang tính xu thời, thì công chúng đâu có *bao giờ* lại mỉm cười như thế. Công chúng là một đứa trẻ con ngoan ngoãn và mộ đạo, nó sẵn lòng đi tới nơi đâu mà bà bảo mẫu dẫn nó đi. Nó chọn lựa ngẫu tượng và bái vật của

[5] Trong “Tạp chí của Hàn lâm viện Y học” Paris, năm 1837, quyển I, trang 343 và tiếp theo, ta có thể thấy bản phúc trình của bác sĩ Oudet, khi nhận thấy một mệnh phụ bị ngủ thiếp đi do từ khí ở vào trạng thái cảm giác, ông đã dùng kim gút chích vào bà, cắm một cây kim gút dài ngập sâu vào da thịt và giữ cho một trong những ngón tay của bà đặt trong ngọn lửa của một cây nến trong vài giây. Người ta rút ra được một khối ung thư từ vú của một bà Plaintain. Ca phẫu thuật kéo dài 12 phút; trong suốt thời gian đó bệnh nhân nói chuyện rất yên tĩnh với người thôi miên mesmer và chẳng bao giờ cảm thấy một chút xịu cảm giác nào (Tạp chí của Hàn lâm viện Y học.” quyển ii, trang 370).

mình, sùng bái chúng với trò huyền ảo mà chúng gây ra để rồi lại trở mặt lăm lét nhìn đây xu nịnh để xem liệu bà già bảo mẫu Công luận có hài lòng hay chưa.

Nghe nói Lactantius, Đức Cha già nua Kì Tô giáo đã nhận xét rằng vào thời của ông chẳng một kẻ đa nghi nào dám quả quyết trước mặt một pháp sư rằng linh hồn không sống còn đối với thể xác mà chết cùng với thể xác, vì "pháp sư sẽ bác bỏ ngay tại chỗ điều đó bằng cách triệu hồn người chết về, làm cho hồn hiện sờ sờ ra trước mắt người ta và khiến cho hồn tiên đoán cả những biến cố tương lai nữa." [6]. Trong vụ án bà Roger thì thẩm phán đoàn và các quan tòa cũng như thế. Nam tước Du Potet đứng làm nhân chứng trước tòa án và họ e rằng sẽ thấy ông thôi miên mesmer kẻ mộng du, thế là bắt buộc họ chẳng những phải tin mà còn phải công nhận hiện tượng lạ nữa – điều này còn tồi tệ hơn nữa.

Bây giờ ta hãy xét tới học thuyết của Paracelsus. Ta phải đọc phong cách của ông vốn không ai hiểu nổi, mặc dù rất sống động giống như đọc những cuốn sách thánh thư Ezekiel, "bên trong và bên ngoài". Nguy cơ xiển dương các thuyết phi chính thống vẫn còn lớn lao vào thời kỳ đó; giáo hội đang có nhiều quyền lực và người ta thiêu sống cả tá thầy phù thủy. Vì lý do ấy ta thấy Paracelsus, Agrippa và Eugenius Philalethes đều nổi tiếng về những lời tuyên bố sùng đạo cũng như lừng danh về các thành tựu trong thuật luyện kim đan và pháp thuật. Toàn thể quan niệm của Paracelsus về tính chất huyền bí của nam châm được giải thích phần nào trong quyển sách nổi tiếng của ông, *Archidaxarum*, trong đó ông miêu tả loại thuốc nhuộm kỳ diệu, một thứ thuốc rút ra từ nam châm tên là *Magisterium Magnetis*, nó cũng được đề cập phần nào trong quyển *Bản về Bản thể của Thượng Đế* và *Bản về Bản thể của Tinh tú* quyển I. Nhưng tất cả những lời giải thích đều được viết dưới dạng mà kẻ phàm phu không thể hiểu nổi. Ông nói rằng: "Mọi người nông dân đều thấy là nam châm hút được sắt, nhưng một kẻ minh triết phải tự tra vấn . . . Tôi đã phát hiện ra rằng ngoài khả năng hữu hình là hút được sắt, nam châm còn có một khả năng khác *ẩn tàng*."

Ông chứng minh thêm nữa rằng nơi con người có ẩn tàng một lực *tinh đấu* vốn là phân thân của các ngôi sao và các thiên thể mà hình tướng tâm linh của con người (anh hồn của y) cấu thành từ đó. Sự đồng nhất về bản thể này (mà chúng ta có thể gọi là tinh thần của vật chất sao chổi) luôn luôn có quan hệ trực tiếp với những ngôi sao mà nó bắt nguồn từ đó, như thế là đôi bên đều hút lẫn nhau vì cả hai đều là nam châm. Cấu tạo đồng nhất của trái đất và mọi hành tinh khác cũng như cơ thể phàm tục của con người là một ý tưởng căn bản trong triết lý của ông. "Cơ thể bắt nguồn từ các nguyên tố, [anh] hồn thoát thai từ các tinh tú . . . Con người ăn uống các nguyên tố để trưởng dưỡng cho máu thịt, con người hấp thụ trí năng và tư tưởng từ các tinh tú để trưởng dưỡng cho các anh hồn". *Khối phổ kế đã chứng minh cho học thuyết của ông về cấu tạo đồng nhất giữa con người với các ngôi sao; các nhà vật lý giờ đây thuyết trình trong các lớp giảng về lực hút từ khí của mặt trời với các hành tinh* [7].

Xét về các chất mà ta biết là cấu thành cơ thể của con người và cũng đã được phát hiện nơi các ngôi sao rồi thì ta có khí hydro, natri, calci, ma nhê và sắt. Trong mọi ngôi sao mà ta quan sát được lên tới nhiều trăm ngôi sao thì ngoại trừ hai ngôi sao ra ta đều

[6] Tiên tri Xưa và Nay của A. Wilder đăng trong Tạp chí Não tướng học.

[7] Cái thuyết theo đó mặt trời là một bầu thiên thể cháy đỏ đã lỗi thời rồi (một trong các tạp chí mới đây đã diễn tả như vậy). Người ta tính toán rằng nếu mặt trời – ta đã biết rõ khối lượng và đường kính của nó – "là một khối than rắn chắc và người ta cung cấp đủ lượng oxy để đốt cháy nó với một tốc độ cần thiết tạo ra được những hiệu ứng mà ta chứng kiến thì nó sẽ bị thiêu rụi hoàn toàn trong ít hơn 5.000 năm." Và thế nhưng mãi cho tới tương đối cách đây vài tuần, người ta vẫn quả quyết – thậm chí vẫn còn quả quyết rằng – mặt trời là kho chứa các kim loại đã bốc hơi!

thấy có khí hydro. Thế mà nếu ta nhớ lại họ đã phản đối Paracelsus với thuyết con người và tinh tú cấu tạo bằng những chất giống nhau; các nhà thiên văn và nhà vật lý đã chế nhạo ông vì các ý tưởng về ái lực hóa học và lực hút giữa hai chất, thế rồi nếu ta ngộ ra rằng khối phổ kế ít ra cũng đã biện minh được một trong những điều khẳng định của ông thì liệu có phi lý hay chẳng khi tiên tri rằng sớm muộn gì thì mọi thuyết còn lại của ông cũng được chứng thực?

Thế mà có một vấn đề rất tự nhiên lại được gợi ra. Làm sao mà Paracelsus đạt đến mức học biết được bất cứ điều gì về thành phần cấu tạo của các ngôi sao khi mãi cho tới thời kỳ rất gần đây – quả thật cho tới khi người ta phát hiện được bằng khối phổ kế – thì thành phần cấu tạo của các thiên thể là điều mà các hàn lâm viện bác học đều mù tịt? Và ngay cả bây giờ, mặc dù có những khối phổ kế viển vông và các cải tiến rất quan trọng khác của thời hiện đại, ngoại trừ một vài nguyên tố về một bầu sắc cầu theo giả thuyết thì các hàn lâm viện vẫn còn thấy các ngôi sao có đủ mọi điều bí mật. Liệu Paracelsus có thể nào chắc chắn được về bản chất của các tập đoàn tinh tú nếu ông không có phương tiện nào mà khoa học chẳng biết gì? Đã chẳng biết thì chớ mà thậm chí nó cũng gác bỏ ngoài tai chính tên gọi của những phương tiện ấy tức là triết lý hermes và thuật luyện kim đan.

Hơn nữa, ta phải nhớ rằng *Paracelsus là người phát hiện ra khí hydro và biết rất rõ về mọi tính chất và thành phần cấu tạo của nó* rất lâu trước khi bất kỳ hàn lâm viện sĩ chính thống nào đã từng nghĩ tới nó, cũng như mọi triết gia lửa khác, ông có nghiên cứu thiên văn học và chiêm tinh học, và nếu ông quả quyết rằng con người có ái lực trực tiếp với các ngôi sao thì ông thừa biết rằng mình đang khẳng định điều gì.

Điều kế tiếp mà các nhà sinh lý học vẫn kiểm chứng đó là lời gợi ý cho rằng việc nuôi dưỡng cơ thể không chỉ bắt nguồn thông qua bao tử “mà cũng được tiến hành một cách không nhận thức được thông qua lực từ khí, lực này ở khắp nơi trong thiên nhiên nhờ đó mọi cá thể rút ra được chất dinh dưỡng chuyên biệt cho bản thân.” Ông nói thêm rằng con người chẳng những có được sức khỏe do các nguyên tố khi chúng quân bình mà còn mắc bệnh khi các nguyên tố bị nhiễu loạn. Khoa học đã thừa nhận rằng các cơ thể sống đều tuân theo những định luật hấp dẫn và ái lực hóa học; theo các nhà sinh lý học thì tính chất vật lý nổi bật nhất của các mô hữu cơ là *tính hấp thụ*. Thế thì còn gì tự nhiên hơn là cái thuyết của Paracelsus theo đó cái cơ thể hóa học hấp thụ và hấp dẫn này của chúng ta lại không thu hút về mình những ảnh hưởng tinh tú hoặc tinh đầu? “Mặt trời và các ngôi sao thu hút chúng ta về phía chúng và chúng ta cũng lại thu hút chúng về phía mình.” Liệu khoa học có thể bác bỏ được gì về điều này chẳng? Điều mà chúng tôi xin trình bày được thể hiện qua khám phá của Nam tước Reichenbach, theo đó những sự phóng phát chất od của con người vốn đồng nhất với những ngọn lửa xuất phát từ nam châm, tinh thể và quả thật từ mọi cơ thể thực vật.

Paracelsus khẳng định sự đơn nhất của vũ trụ, ông bảo rằng “cơ thể con người cũng có những chất liệu nguyên sơ (tức vật chất vũ trụ), khối phổ kế đã chứng tỏ lời khẳng định này khi cho thấy rằng cùng một nguyên tố hóa học tồn tại trên trái đất, trên mặt trời cũng như nơi mọi ngôi sao. Khối phổ kế còn làm được hơn nữa: nó cho thấy rằng mọi ngôi sao đều là các *mặt trời*, có cấu tạo giống như mặt trời của chính ta ^[8]; và Giáo sư Mayer có nói với ta rằng ^[9] tình huống từ khí trên trái đất thay đổi theo mọi biến thiên trên bề mặt của mặt trời và nghe nói nó tuân chịu những “*sự phóng phát* ra từ mặt trời”;

[8] Xem Youmans, tác phẩm “Hóa học dựa trên Cơ sở Hệ thống Mới - Phân tích Quang phổ.”

[9] Giáo sư Vật lý ở Viện Công nghệ Stevens. Xem tác phẩm “Trái đất là một Nam châm Vĩ đại – là một bài thuyết trình trước Câu lạc bộ Khoa học Yale năm 1872. Xem thêm bài thuyết trình của Giáo sư Balfour Stewart về “Mặt trời và Trái đất”.

các ngôi sao vốn là mặt trời ắt cũng phải có những phóng phát ảnh hưởng tới chúng ta theo mức độ tỉ lệ nào đó.

Paracelsus nói "Trong khi nằm mơ chúng ta giống như loài cây cỏ vốn cũng có một xác phàm và một thể sinh lực, nhưng không có tinh thần. Trong khi ta ngủ, thể tinh anh được giải thoát và do nó có bản chất đàn hồi cho nên nó hoặc là bay lượn gần gần xung quanh hiện thể đang nằm ngủ hoặc bay vút lên cao hơn để đàm đạo với tổ phụ tinh tú hoặc ngay cả giao tiếp với các huynh đệ ở cách xa. Những giấc mơ có tính cách tiên tri, báo điềm trước và những nhu cầu hiện nay đều là năng lực của anh hồn. Các năng khiếu này không được truyền thụ cho xác phàm thô trược của ta vì khi chết đi xác phàm rớt xuống vào trong lòng trái đất và lại hợp nhất với các nguyên tố vật lý trong khi nhiều anh hồn trở về với các ngôi sao." Ông nói thêm rằng "Các con thú cũng có linh cảm vì chúng cũng có một thể tinh anh."

Van Helmont vốn là đệ tử của Paracelsus cũng nói nhiều điều giống như thế, mặc dù thuyết của ông về từ khí được triển khai rộng lớn hơn và còn được bày tỏ kỹ lưỡng hơn nữa. *Magnal Magnum*, phương tiện nhờ đó tính chất từ khí bí mật khiến cho người ta ảnh hưởng hỗ tương tới nhau, được ông gán cho cái sự đồng cảm đại đồng vũ trụ vốn tồn tại giữa vạn vật trong thiên nhiên. Nguyên nhân tạo ra hậu quả, hậu quả lại được tham chiếu trở về nguyên nhân và cả hai đều hỗ tương với nhau. Ông bảo rằng: "Từ khí là tính chất chưa ai biết có bản chất thiên giới; rất giống với các vì sao mà tuyệt nhiên không bị cản trở bởi bất kỳ biên giới nào của không gian và thời gian . . . Mọi tạo vật đều có quyền năng thiên giới của riêng mình và liên kết mật thiết với cõi trời. Quyền năng pháp thuật này của con người vốn có thể tác động ra ngoại giới có thể nói là ẩn tàng nơi chơn như. Như vậy là minh triết pháp thuật và sức mạnh của nó vẫn đang yên ngủ nhưng chỉ cần một sự ám thị cũng đủ khơi hoạt được nó, nó càng sống động khi phàm nhưn bằng xác thịt và u mê càng bị ức chế . . . và tôi xin nói rằng đây là do tác dụng của thuật kabala, nó mang lại cho linh hồn cái sức mạnh đầy pháp thuật song vẫn tự nhiên vốn giống như người đang ngủ giật mình thức dậy."^[10]

Cả Van Helmont lẫn Paracelsus đều đồng ý với sức mạnh lớn lao của ý chí trong trạng thái xuất thần; họ bảo rằng "tinh thần vốn bàng bạc ở khắp nơi và tinh thần là phương tiện của từ khí"; cái pháp thuật thuần túy nguyên sơ ấy không cốt ở việc thực hành mê tín dị đoan hoặc những nghi lễ phù phiếm mà cốt ở ý chí oai vệ của con người. "Các chơn linh trên trời và các vong linh dưới địa ngục không hề làm chủ được bản chất vật thể mà chủ của nó chính là linh hồn và tinh thần của con người vốn ẩn tàng nơi y cũng giống như lửa ẩn giấu trong đá lửa."

Mọi triết gia thời trung cổ đều phát biểu thuyết bàn về ảnh hưởng của tinh đầu đối với con người. Cornelius Agrippa có nói: "Các ngôi sao cũng bao gồm các nguyên tố giống như các cơ thể trần tục và do đó các ý tưởng thu hút lẫn nhau . . . Các ảnh hưởng chỉ xuất hiện do sự trợ giúp của tinh thần; nhưng tinh thần này bàng bạc khắp vũ trụ và hoàn toàn hài hòa với chơn linh của con người. Pháp sư nào muốn có quyền năng siêu tự nhiên đều phải có *đức tin, tình thương* và *niềm hi vọng* . . . Nơi mọi thứ đó đều có ẩn tàng một quyền năng bí nhiệm, vì thế cho nên mới có cái quyền năng màu nhiệm là pháp thuật."

Thuyết hiện đại của Tướng Pleasanton^[11] trùng hợp đặc biệt với các quan điểm của những triết gia lửa. Quan điểm của ông về điện dương và điện âm nơi người đàn ông và người đàn bà cũng như sự hút và đẩy lẫn nhau của vạn vật trong thiên nhiên dường như được sao chép theo quan niệm của Robert Fludd, Đại sư phụ của các môn đồ Hoa hồng

^[10] "Bàn về việc Chữa trị Vết thương bằng Từ khí", trang 722, quyển I.

^[11] Xem "Bàn về Ảnh hưởng của Tia sáng màu Xanh lơ".

Thập tự nước Anh. Triết gia lửa nói: “Khi hai người lại gần nhau thì từ khí của họ hoặc là thụ động hoặc là chủ động, nghĩa là dương hoặc là âm. Nếu phóng xạ mà họ tung ra bị bẻ gãy hoặc đẩy lùi trở lại thì sẽ xuất hiện sự phản cảm. Nhưng các phóng xạ đó xuyên qua lẫn nhau từ cả hai phía thì có từ khí dương vì các tia xuất phát từ tâm điểm đi ra ngoại vi. Trong trường hợp này chúng ảnh hưởng tới chẳng những bệnh tật mà còn tới tình cảm đạo đức nữa. Chẳng những ta thấy từ khí hoặc sự đồng cảm này nơi các con vật mà còn thấy nơi loài cây cỏ và khoáng vật nữa.” [12]

Và giờ đây ta mới lưu ý thấy làm thế nào mà khi Mesmer du nhập vào nước Pháp “cái thùng gỗ” và hệ thống của ông vốn dựa hoàn toàn theo triết lý và học thuyết của môn đồ Paracelsus thì phát hiện vĩ đại về tâm lý và sinh lý đó lại được các y sĩ khảo luận. Nó ắt chứng tỏ rằng một đoàn thể khoa học có thể phô bày biết bao nhiêu sự dốt nát hời hợt và thành kiến khi đề tài ấy xung đột với các thuyết mà chính họ ưa chuộng. Nó còn quan trọng hơn nữa vì có sự lơ đãng của ủy ban thuộc Hàn lâm viện Pháp năm 1784 có lẽ do sự trôi giạt dật dờ theo thuyết duy vật hiện nay của tâm trí công chúng và chắc chắn là có những lỗ rỗng trong triết lý nguyên tử mà chúng ta thấy những người tận tụy nhất giảng dạy đã thú nhận rằng là có những lỗ hổng. Ủy ban năm 1784 bao gồm những người lỗi lạc nhất như Borie, Sallin, d’Arcet và Guillotin trứ danh, sau này còn có thêm Franklin, Leroi, Bailly, De Borg và Lavoisier. Borie qua đời chẳng bao lâu sau đó và Magault nối tiếp ông. Có hai điều không còn nghi ngờ gì nữa: Ủy ban bắt đầu làm việc theo những thành kiến mạnh mẽ và theo mệnh lệnh xác quyết thực thi nhiệm vụ của Đức Vua; cách thức quan sát những sự kiện tế nhị của thuật thôi miên thật là không đúng đắn và thiếu cận. Phúc trình của họ, Bailly viết ra được dự định là một cú đấm chí tử đối với khoa học còn mới mẻ ấy. Nó được phổ biến phô trương trong mọi trường lớp và tầng lớp của xã hội, khơi dậy những xúc cảm cay đắng nhất trong phần lớn giới tư sản và giai cấp thương gia giàu có vốn đã bảo trợ cho Mesmer và được tận mắt chứng kiến việc ông chữa bệnh. Ant. L. de Jussieu, một hàn lâm viện sĩ cao cấp nhất đã nghiên cứu rất ráo đề tài này cùng với viên ngự y lỗi lạc, d’Eslon, công bố một bản tường trình viết rất chính xác tỉ mỉ, trong đó ông ủng hộ việc khoa y nên quan sát kỹ lưỡng tác dụng chữa bệnh của lưu chất từ khí và khẳng định phải công bố ngay tức khắc các khám phá và quan sát của mình. Yêu sách của ông được đáp ứng qua sự xuất hiện một số lớn các luận trình, tác phẩm bút chiến và tác phẩm giáo điều triển khai những sự kiện mới; còn tác phẩm của Thouret tựa đề là *Nghiên cứu và Hoài nghi về Từ khí Động vật* phô bày một học thức uyên bác khuyến khích người ta khảo cứu các tài liệu lưu trữ trong quá khứ; thế là các hiện tượng từ khí lần lượt của nhiều quốc gia từ thời xa xưa nhất đã được phô bày trước công luận.

Học thuyết của Mesmer chỉ là việc phát biểu lại học thuyết của Paracelsus, Van Helmont, Santanelli và người Tô cách lan Maxwell; thậm chí ông còn phạm tội sao chép văn bản trong tác phẩm của Bertrand, rồi phát biểu đó là nguyên lý của chính mình [13]. Trong tác phẩm của Giáo sư Stewart [14], tác giả coi vũ trụ của ta cấu tạo từ những nguyên tử, bên giữa chúng có một loại môi trường nào đó coi như bộ máy và các định luật năng lượng là các định luật làm cho guồng máy này hoạt động. Giáo sư Youmans gọi đây là “một học thuyết hiện đại”, nhưng trong số 27 đề xuất mà Mesmer đưa ra năm 1775 chỉ cách nay đúng một thế kỷ trong tác phẩm *Thư gửi một Y sĩ Nước ngoài* thì ta thấy có những đề xuất sau đây:

1- *Có tồn tại một ảnh hưởng hỗ tương giữa các thiên thể, trái đất và các cơ thể sống.*

[12] Ennemoser: “Lịch sử Pháp thuật”.

[13] “Bản về Từ khí Động vật ở Pháp”, Paris năm 1826.

[14] “Sự Bảo toàn Năng lượng”, New York năm 1875.

2- Có một lưu chất liên tục (cho nên không chấp nhận có chân không) bằng bạc khắp vũ trụ, mức độ tinh vi của nó không gì sánh kịp và do bản chất, nó có thể tiếp nhận, truyền dẫn và lưu thông mọi ấn tượng của sự vận động; nó là môi trường của ảnh hưởng này.

Theo trên thì xét cho cùng thuyết này dường như đâu có gì hiện đại đến thế. Giáo sư Balfour Stewart có nói: "Chúng ta có thể xem xét vũ trụ theo sự minh giải về một guồng máy vật lý khổng lồ". Và Mesmer nói tiếp:

3- Tác động hỗ tương này tuân theo các định luật cơ học mà mãi cho tới nay ta chưa hề biết đến.

Khi tái khẳng định học thuyết của Gilbert theo đó trái đất là một nam châm lớn, Giáo sư Mayer có nhận xét rằng các biến thiên bí nhiệm trong cường độ lực của trái đất dường như tuân theo các tia bức xạ từ mặt trời, "nó thay đổi theo sự xoay vòng biểu kiến hằng ngày hằng năm của tinh cầu ấy, nó mạch động đồng cảm với các làn sóng lửa khổng lồ quét qua bề mặt của nó." Ông nói tới "sự thăng giáng thường xuyên, sự thăng trầm của ảnh hưởng chi đạo của trái đất". Và Mesmer nói tiếp:

4- "Do tác động này cho nên mới có những hiệu ứng luân phiên mà ta có thể coi là một luồng chảy đi chảy lại.

5- Chính do thao tác này (thao tác phổ biến nhất trong vũ trụ mà thiên nhiên phô bày cho ta) nên mới có những quan hệ về hoạt động diễn ra giữa các thiên thể, trái đất và các thành phần cấu tạo nên nó.

Còn có hai đề xuất nữa mà các nhà khoa học hiện đại ắt lấy làm thích thú khi đọc được.

6- Các tính chất của vật chất và của cơ thể đều tùy thuộc vào thao tác này.

7- Cơ thể mang thú tính trải nghiệm các hiệu ứng luân phiên của tác nhân này; chính nhờ len lỏi vào chất liệu của các dây thần kinh mà thao tác đó ảnh hưởng ngay tới dây thần kinh.

Trong số những tác phẩm quan trọng khác xuất hiện từ giữa năm 1798 đến năm 1824 khi Hàn lâm viện Pháp bổ nhiệm Ủy ban thứ nhì để khảo cứu về thuật thôi miên Mesmer, ta có thể tham khảo với nhiều lợi ích tác phẩm *Kỷ yếu về Từ khí Động vật* của Nam tước Henin de Cuvillier, Trung tướng Hiệp sĩ Saint Louis, viện sĩ Hàn lâm viện Khoa học, viện sĩ thông tấn của nhiều bác học viện Âu châu. Năm 1820, chính quyền nước Phổ chỉ thị cho Hàn lâm viện Bá linh treo giải thưởng 300 ducats bằng vàng dành cho luận án hay nhất bàn về thuật thôi miên Mesmer. Hội Khoa học Hoàng gia Paris mà chủ tịch là Hoàng tử Công tước d'Angoulême, tặng một huy chương vàng cũng cho mục đích đó. Hầu tước de la Place, vị đại thần của nước Pháp, một trong *Bốn mươi* viện sĩ của Hàn lâm viện Khoa học, hội viên danh dự của các bác học viện thuộc mọi chính quyền chủ yếu ở Âu châu có xuất bản một tác phẩm tựa đề *Tiểu luận Triết học về Xác suất* trong đó nhà khoa học lỗi lạc nói rằng: "Trong tất cả các công cụ mà ta có thể dùng để tìm hiểu về các tác nhân không nhận thức được trong thiên nhiên, công cụ nhạy cảm nhất là dây thần kinh, đặc biệt là khi có những ảnh hưởng ngoại lệ làm gia tăng sự nhạy cảm của chúng. . . . Hiện tượng đặc thù vốn là kết quả của sự nhạy cảm tột độ nơi dây thần kinh của một vài cá thể, đã làm nảy sinh những ý kiến khác nhau về sự tồn tại của một tác nhân mới mà ta gọi là từ khí động vật. Cho đến nay chúng ta đâu đã biết hết mọi tác nhân của thiên nhiên cũng như đủ thứ phương thức tác động của chúng, cho nên xét về mặt triết học cũng khó lòng mà chối bỏ các hiện tượng lạ chỉ vì ta không giải thích được chúng trong tình trạng thông tin hiện nay của mình. Bốn phần của ta chỉ là chú ý khảo sát chúng càng tận tâm càng tốt chứ dường như khó lòng mà công nhận chúng."

Hầu tước de Puysegur đã cải tiến nhiều các thí nghiệm của Mesmer, ông hoàn toàn bỏ qua dụng cụ và những sự chữa bệnh đáng chú ý trong số những người thuê đất của ông ở Busancy. Khi những thí nghiệm này được trình bày với công chúng và nhiều người có giáo dục khác cũng thí nghiệm thành công như thế thì vào năm 1825, ông Foissac có đề nghị với Hàn lâm viện Y học lập nên một cuộc điều tra mới. Một Ủy ban đặc biệt bao gồm Adelon, Parisey, Marc, Burdin, sen. với Husson là phát ngôn viên đã nhất trí khuyến cáo nên chọn theo đề nghị ấy. Họ dừng cảm thú nhận rằng "trong khoa học không có một quyết định nào mang tính tuyệt đối và không thể bãi bỏ được", điều này khiến cho ta có thêm phương tiện để thẩm định giá trị gắn liền với những kết luận của Ủy ban Franklin năm 1784 khi bảo rằng: "Những cuộc thí nghiệm mà phán đoán này dựa vào đó dường như đã được tiến hành mà không tụ tập đủ mọi ủy viên cùng một lúc *cũng như có những xu hướng đạo đức* mà theo nguyên tắc về sự thật khiến cho họ được bổ nhiệm khảo sát thì xu hướng ắt phải khiến cho họ thất bại hoàn toàn."

Việc họ bảo rằng từ khí là một phương thuốc bí mật đã từng được nhiều lần nói tới khi các tác giả khả kính nhất viết về Thần linh học hiện đại như sau: "Hàn lâm viện có bốn phận phải nghiên cứu nó, phải đem nó ra thử nghiệm; cuối cùng phải tước bỏ việc sử dụng và thực hành nó khỏi tay những kẻ hoàn toàn xa lạ với thuật này, họ chỉ lạm dụng phương tiện ấy, biến nó thành mục tiêu trục lợi và đầu cơ."

Bản phúc trình này gây ra những cuộc tranh cãi kéo dài, nhưng vào tháng 5 năm 1826, Hàn lâm viện cũng bổ nhiệm một Ủy ban bao gồm những tên tuổi trứ danh như sau: Leroux, Bourdois de la Motte, Double, Magendie, Guersant, Husson, Thillaye, Marc, Itard, Fouquier và Guénau de Mussy. Họ bắt đầu lao động vất vả ngay tức khắc và tiếp tục trong vòng 5 năm thông qua ông Husson, họ báo cáo cho Hàn lâm viện những kết quả quan sát của mình. Bản phúc trình bao gồm những tường thuật về các hiện tượng lạ được phân loại thành 34 đoạn khác nhau, nhưng vì tác phẩm này không đặc biệt chuyên chú về khoa học từ khí cho nên chúng tôi chỉ xin mạn phép trích dẫn một vài đoạn ngắn ngủi. Họ khẳng định rằng thật ra không luôn luôn cần thiết phải có việc chạm tay vào, ma sát hoặc có thủ pháp, vì trong nhiều trường hợp ý chí và việc nhìn chăm chăm cũng đủ để tạo ra các hiện tượng lạ về từ khí cho dẫu người được từ khí hóa không hề biết. "Các hiện tượng lạ chữa bệnh đã được chứng nhận đàng hoàng" chỉ tùy thuộc vào từ khí thôi và không thể mô phỏng lại được nếu không có nó. Trạng thái mộng du có thật và "gây ra việc triển khai những năng lực mới vốn được gọi là *thần nhãn*, trực giác, tiên tri bằng nội quan". Giác ngủ (do từ khí) "được kích động trong những trường hợp mà người được từ khí hóa không thể thấy và hoàn toàn không biết người ta dùng phương tiện nào để tạo ra giấc ngủ. Chủ thể từ khí hóa một khi đã kiểm soát được đối tượng của mình có thể khiến y hoàn toàn bị mộng du, khiến y hết mộng du mà không hề biết, không hề thấy, ở cách xa một quãng và tác động qua cửa đóng kín". Giác quan ngoại giới của người mộng du dường như bị tê liệt hoàn toàn và y phải vận dụng một bộ giác quan đối ứng. "Hầu hết mọi lúc thì họ hoàn toàn xa lạ với tiếng động bất ngờ nơi ngoại giới mà người ta tác động vào tai họ chẳng hạn như âm thanh nôi niêu soong chảo bằng đồng được gõ mạnh, một chất liệu nặng nề nào đó rớt xuống v.v. . . Người ta có thể khiến cho họ thở axit clorhydric và khí amoniac mà không cảm thấy bất tiện hoặc thậm chí cũng chẳng nghi ngại gì". Ủy ban có thể "cù vào lòng bàn chân họ, vào lỗ mũi họ, vào khước mắt họ bằng cách đưa một lông vũ lại gần, nhéo da họ để tạo ra bầm tím, châm chích dưới móng chân móng tay bằng một kim gút cắm sâu đáng kể mà không khiến cho họ cảm thấy đau đớn chút nào hoặc có dấu hiệu gì là có ý thức đau đớn. Tóm lại, chúng ta đã chứng kiến một người vô cảm với một trong những vụ mổ đau đớn nhất, nét mặt, mạch đập hoặc hơi thở của họ không biểu lộ một chút xíu xúc động nào."

Họ đã nói nhiều xiết bao về các giác quan ngoại giới; bây giờ ta hãy thử xem họ sẽ nói gì về các giác quan nội giới mà ta có thể công tâm coi là tỏ ra có một sự khác nhau đáng kể giữa con người và nguyên sinh chất của con cừu. Ủy ban nói: "Trong khi ở trong trạng thái mộng du, những kẻ bị từ khí hóa mà chúng tôi quan sát được vẫn còn vận dụng những năng lực mà họ đã có khi còn tỉnh táo. Trí nhớ của họ thậm chí có vẻ còn trung thực hơn và mở rộng hơn. Chúng tôi đã chứng kiến hai kẻ mộng du mắt bịt kín mà vẫn phân biệt được các sự vật đặt trước họ; khi không sờ vào các sự vật mà họ vẫn nói vanh vách được màu sắc và trị số của những lá bài; họ đọc được những chữ do bàn tay vạch ra hoặc một vài dòng trong sách được mở ra hoàn toàn ngẫu nhiên. Hiện tượng này xảy ra ngay cả khi người ta dùng ngón tay để bịt kín chính xác không cho mí mắt mở ra". Chúng tôi có gặp hai người mộng du với năng lực tiên tri được những hành vi ít nhiều phức tạp của cơ thể sống. Một trong hai người này loan báo nhiều ngày (thậm chí nhiều tháng trước) ngày giờ và phút cơn động kinh sẽ xảy ra và trở lại; người kia tuyên bố thời gian chữa được bệnh. Sự tiên đoán của họ được thực hiện một cách chính xác đáng kể".

Ủy ban bảo rằng: "Nó đã thu thập và thông tri được những sự kiện đủ quan trọng để khiến cho nó nghĩ rằng Hàn lâm viện nên khuyến khích việc khảo cứu về từ khí coi đó là một ngành rất kỳ diệu của tâm lý học và vạn vật học". Ủy ban kết luận bằng cách nói rằng các sự kiện *phi thường* đến nỗi họ khó lòng mà tưởng tượng được Hàn lâm viện sẽ chấp nhận sự thật ấy, nhưng họ phản đối vì họ đã hoàn toàn bị thúc đẩy bởi động cơ mang tính cách cao thượng, đó là "lòng yêu thích khoa học và nhu cầu biện minh cho những niềm hi vọng mà Hàn lâm viện đã ấp ủ về lòng nhiệt thành và lòng tận tụy của chúng tôi".

Nỗi e sợ của họ đã được minh chứng hoàn toàn do cách ứng xử của ít ra là một thành viên trong số họ, y đã vắng mặt trong những buổi thí nghiệm và theo lời ông Husson thì thấy việc mình "ký vào bản phúc trình là không đúng". Đó là nhà sinh lý học Magendie, mặc dù sự kiện được nêu rõ trong bản phúc trình chính thức, theo đó ông "không có mặt trong các buổi thí nghiệm", nhưng không ngần ngại gì mà dành hết bốn trang trong tác phẩm nổi tiếng về *Sinh lý Con người* của mình cho đề tài thuật thôi miên Mesmer và sau khi đã tổng kết những hiện tượng mà người ta gán cho nó nhưng không tán thành một cách không dè dặt mà lẽ ra sự uyên bác và kiến thức khoa học của các đồng nghiệp trong Ủy ban của ông dường như đòi hỏi như thế, ông phát biểu rằng: "Lòng tự trọng và phẩm giá của nghề nghiệp đòi hỏi tôi phải thận trọng về những vấn đề này. Người y sĩ được thông tin đầy đủ phải nhớ điều thần bí đã dễ dàng biến tướng thành thuật lang băm và nghề nghiệp chúng ta thường hay bị suy thoái cho dầu chỉ xét theo bề ngoài khi được những nhà thực hành khả kính như thế tiếp tay. Không một lời lẽ nào trong văn bản lại tiết lộ cho bạn đọc biết ông đã được Hàn lâm viện bổ nhiệm thỏa đáng để phục vụ cho Ủy ban vào năm 1826; thế mà lại vắng mặt trong các buổi họp cho nên không học được sự thật nào về hiện tượng lạ Mesmer, thế mà giờ đây lại đưa ra những phán đoán biểu kiến. "Lòng tự trọng và phẩm giá của nghề nghiệp" có lẽ đòi hỏi ông phải im lặng!

Ba mươi tám năm sau, một nhà khoa học người Anh, chuyên nghiên cứu về vật lý học, thậm chí còn lừng danh hơn cả Magendie nữa đã hạ mình theo một cách cư xử không được công chính. Khi ông có cơ hội khảo cứu về các hiện tượng lạ thần linh học và góp phần tước bỏ nó ra khỏi tay những kẻ khảo cứu dốt nát hoặc bắt lương thì Giáo sư John Tyndall lại né tránh đề tài này; nhưng trong tác phẩm *Các Mảnh vụn Khoa học* ông lại phạm tội phát biểu không quân tử mà chúng tôi đã trích dẫn ở một chương nơi khác.

Nhưng chúng tôi đã sai lầm; ông ta chỉ toan tính một lần và thế là đủ rồi. Trong *Các Mảnh vụn*, ông nói với chúng tôi rằng ông đã từng một lần núp dưới một cái bàn để xem

những tiếng gõ nhẹ được thực hiện như thế nào và ông đã đứng lên với một sự thất vọng cho loài người mà ông chưa bao giờ cảm thấy trước đó! Israel Putnam, khi bò trên tay và quì gối để giết con chó sói cái trong sào huyết của nó, phần nào đã cung ứng một ẩn dụ song hành giúp ta đánh giá được sự can đảm của nhà hóa học khi lần mò trong đêm tối để tìm ra sự thật xấu xa; nhưng Putnam đã giết được con chó sói, còn Tyndall lại bị nó ngẫu nhiên! *"Tuyệt vọng dưới cái bàn"* phải là câu châm ngôn trên cái khiên thuẫn của ông.

Khi nhắc tới bài tường trình của Ủy ban năm 1824, Tiến sĩ Alphonse Teste, là một nhà khoa học xuất sắc đương thời, bảo rằng nó gây ra một ấn tượng lớn đối với Hàn lâm viện, nhưng ít ai bị thuyết phục: "Chẳng ai nghi vấn sự xác thực của các ủy viên mà lòng trung thực cũng như kiến thức uyên bác là không thể chối bỏ được, nhưng người ta nghi ngờ là họ đã bị lừa bịp. Thật vậy, *có một vài sự thật không may mắn gây phương hại cho những người tin vào chúng, nhất là những người ngây thơ đến nỗi thú nhận chúng một cách công khai*". Điều này đúng ra sao thì xin để sử liệu từ thời xa xưa nhất đến tận ngày nay chứng nhận. Khi Giáo sư Robert Hare loan báo những kết quả sơ bộ trong việc khảo cứu về thần linh học thì mặc dù là một trong những nhà hóa học và vật lý học lỗi lạc nhất trên thế giới, song lẽ ông vẫn bị coi là kẻ bịp bợm. Khi ông chứng tỏ rằng mình không phải như vậy, thì người ta tố cáo là ông lấm cấm; các giáo sư ở Harvard buộc tội ông là "diên rồ bám theo cái trò phỉnh gạt vĩ đại".

Khi vị giáo sư bắt đầu khảo cứu vào năm 1853, ông loan báo rằng mình "cảm thấy có lời hiệu triệu như một bốn phận đối với các tạo vật đồng loại, phải gây bất kỳ ảnh hưởng nào mà mình có được lên toan tính ngăn ngừa đợt sóng triều diên rồ của quần chúng vốn bất chấp lý trí và khoa học đang nhanh chóng bắt đầu ủng hộ cho cái *sự hão huyền thô thiển* tên là Thần linh học". Mặc dù theo lời tuyên bố của ông thì thuyết của ông "hoàn toàn trùng hợp với thuyết cái bàn quay của Faraday", nhưng ông có sự cao cả chân chính vốn đặc trưng cho các ông hoàng trong khoa học khi khảo cứu rốt ráo rồi mới nói lên sự thật. Ta hãy để cho chính miệng ông nói ra việc ông được các đồng sự cộng tác suốt đời tưởng thưởng ra sao. Trong một bài thuyết trình đọc ở New York, tháng 9 năm 1854, ông bảo rằng "mình đã dẫn thân theo sự nghiệp khoa học trong hơn nửa thế kỷ và chưa bao giờ người ta nghi vấn về mức độ chính xác của ông cho tới khi ông trở thành một nhà thần linh học; trong khi sự liêm khiết của ông trên cương vị một con người chưa bao giờ bị đả kích trong cả đời mãi cho tới khi các vị giáo sư ở Harvard lồng lộn lên với bản phúc trình chống lại điều mà *ông biết* là đúng sự thật, còn họ *đâu có biết* là sai lầm".

Một vài lời lẽ ấy diễn tả biết bao nhiêu là xúc động bi thương! Một ông già 76 tuổi, một nhà khoa học trong hơn nửa thế kỷ phải đào ngũ vì đã nói ra sự thật! Và bây giờ ông A. R. Wallace (vốn trước kia được đánh giá cao trong số các nhà khoa học nổi tiếng nhất nước Anh và tuyên bố rằng mình đã tuyên bố vào thần linh học và thuật thôi miên Mesmer) được nói tới theo kiểu thương cảm. Giáo sư Nicolas Wagner ở St. Petersburg (vốn nổi tiếng là một nhà động vật học) là một trong những người nổi bật nhất, đến lượt mình phải chịu hình phạt vì hết sức ngây thơ do các nhà khoa học Nga đối xử một cách xúc phạm!

Có những nhà khoa học loại này thì cũng có những *nhà khoa học* loại kia; và nếu khoa học huyền bí xét về một phương diện phải nhường bước cho thần linh học hiện đại do ác ý của một lớp người thì song lẽ lúc nào họ cũng có những người bênh vực mình mà tên tuổi đã làm rạng danh cho chính khoa học. Đứng đầu là Isaac Newton, "ánh sáng của khoa học", ông hoàn toàn tin vào từ khí như Paracelsus, Van Helmont và các triết gia lửa nói chung giảng dạy. Chẳng ai dám chối bỏ rằng thuyết của ông về không gian vũ trụ và luật vạn vật hấp dẫn thuần túy là một thuyết về từ khí. Nếu lời lẽ của ông có ý nghĩa

chút nào thì chúng có nghĩa là mọi suy đoán của ông vốn dựa vào “linh hồn của thể giới”, tác nhân từ khí vĩ đại của vũ trụ mà ông gọi là *cảm quan thiêng liêng* ^[15]. Ông nói: “Ở đây vấn đề là có một thần khí rất tinh vi thấm nhuần tất cả ngay cả những vật rắn chắc nhất và được che giấu trong chính chất liệu của chúng. Do sức mạnh và hoạt động của thần khí này cho nên các vật thể hút lẫn nhau và bám dính vào nhau khi tiếp xúc với nhau. Thông qua nó, các vật thể có điện tích tác động ở khoảng cách xa nhất cũng như gần ở ngay tận tay, hút và đẩy lẫn nhau; thông qua thần khí này ánh sáng cũng lưu chuyển, bị khúc xạ và phản xạ, và làm cho các vật ấm lên. Mọi giác quan đều được thần khí này kích động và nhờ có nó loài động vật mới cử động tay chân được, nhưng ta không thể giải thích những sự việc này chỉ trong một vài lời và chúng ta còn chưa đủ kinh nghiệm để xác định trọn vẹn những định luật khiến cho thần khí vũ trụ này tác động”.

Có hai loại từ khí hóa; một đẳng là thuần túy *động vật*; còn một đẳng là siêu việt, tùy thuộc vào ý chí và sự hiểu biết của nhà thôi miên Mesmer cũng như mức độ tính linh của đối tượng và khả năng y tiếp nhận các ấn tượng của ánh sáng tinh tú. Nhưng thế mà hầu như chắc chắn rằng thần nhãn vốn tùy thuộc phần lớn vào nhà thôi miên Mesmer hơn là đối tượng bị thôi miên. Đối tượng *tích cực* cũng phải tuân chịu quyền năng của một bậc cao đồ như Du Potet. Nếu mắt của y được điều khiển tuyệt vời bởi nhà thôi miên Mesmer, pháp sư hoặc chơn linh thì ánh sáng phải trình hiện những điều ghi chép bí mật của nó cho ta khảo cứu; bởi vì nếu nó là một quyển sách bao giờ cũng khép kín đối với những “kẻ nào nhìn thấy mà không nhận thức được” thì mặt khác nó lại luôn luôn mở ra đối với kẻ nào *muốn* thấy nó mở ra. Nó ghi chép mà không cắt bỏ mọi điều vốn đã tồn tại, đang tồn tại hoặc sẽ tồn tại. Những hành vi nhỏ nhặt nhất trong cuộc đời ta đều được ghi khắc lên trên nó và ngay cả tư tưởng của ta cũng được chụp hình trên những tấm bảng vĩnh hằng của nó. Đó là quyển sách mà ta thấy vị thiên thần trong sách *Khải huyền* mở ra, “đây là quyển sổ bộ đời mà người ta phán xét kẻ chết theo những công trình của họ”. Nói tóm lại đó là KÝ ỨC của THƯỢNG ĐẾ!

Một đoạn xưa cũ trong *Sấm truyền Chaldea* của Zoroaster ^[16] có nói rằng “các Sấm truyền khẳng định rằng ấn tượng của các tư tưởng, tính tình, con người và những linh ảnh khác đều xuất hiện trong chất hậu thiên khí (æther). . . Nơi chất này thì các sự vật không có hình tướng cũng trở nên có hình tướng”.

Như vậy minh triết xưa và nay, sự tiên tri và khoa học đều nhất trí bổ chứng cho những lời quả quyết của môn đồ kinh Kabala. Trên những tấm bảng bất diệt của ánh sáng tinh tú có ghi khắc ấn tượng của mọi tư tưởng mà chúng ta suy nghĩ, mọi hành vi mà chúng ta thực hiện và những biến cố tương lai – hậu quả của những nguyên nhân đã bị quên lãng từ lâu rồi – cũng đã được phác họa thành ra một bức tranh sống động để cho mắt của nhà thấu thị và nhà tiên tri có thể theo dõi được. Đối với môn sinh triết học cổ thì ký ức – niềm thất vọng của nhà duy vật, câu đố của nhà tâm lý học, con nhân sư bí ẩn của khoa học – chỉ là một tên gọi để diễn tả cái khả năng mà con người vận dụng một cách vô ý thức và chia xẻ với nhiều loài thú vật hạ đẳng – dùng nội nhãn để nhìn vào ánh sáng tinh tú và chứng kiến ở đó những hình ảnh của các cảm giác và sự việc trong quá khứ. Thay vì đi tìm những hạch não dành cho những “vi ảnh” của người sống và người chết, của những phong cảnh mà chúng ta đã viếng thăm và những sự việc mà chúng ta đóng vai trò trong đó” ^[17]. Họ lại đi tới cái kho bao la nơi tích chứa những bảng ghi chép cuộc đời của mọi người cũng như mọi mạch động của càn khôn hữu hình trong suốt thời gian Vĩnh hằng!

[15] “Các Nguyên lý Căn bản của Vật lý học”.

[16] “Vật lý Toát yếu”, trang 143; “Các Sấm truyền Chaldea” của Cory.

[17] Draper: “Xung đột giữa Tôn giáo và Khoa học”.

Cái tia chớp lóe trí nhớ mà theo truyền thống được giả sử là cho một người chết đuối thấy được mọi phong cảnh đã quên lãng từ lâu trong kiếp sống trần tục của mình – cũng giống như phong cảnh được bộc lộ ra cho du khách qua những tia chớp dứt quãng – chỉ là sự thoáng thấy đột ngột mà linh hồn phần đầu có được trong phòng triển lãm tranh im lặng nơi mà lịch sử của y được phác họa bằng những màu sắc bất diệt.

Sự kiện nổi tiếng – điều này được bổ chứng cho kinh nghiệm cá nhân của chin trong số mười người – theo đó chúng ta thường nhận biết là quen thuộc khi lần đầu tiên ta trông thấy hoặc nghe thấy những cảnh tượng, phong cảnh và những cuộc đối thoại đôi khi xảy ra ở những xứ mà trước đó ta chưa hề tới viếng thăm, sự kiện này là kết quả cũng của những nguyên nhân như trên. Những kẻ tin vào luân hồi viện dẫn điều này là bằng chứng thêm nữa về việc trước kia ta có tồn tại trong những cơ thể khác. Họ gán việc nhận biết những con người, xứ sở, sự vật mà ta chưa từng thấy cho những tia chớp lóe của ký ức linh hồn trong những trải nghiệm trước kia. Nhưng cổ nhân cùng với các triết gia thời trung cổ kiên quyết có ý kiến ngược lại.

Họ quả quyết rằng mặc dù hiện tượng tâm lý này là một trong những luận chứng vĩ đại nhất để ủng hộ cho tính bất tử và sự tồn tại trước kia của linh hồn, thế nhưng linh hồn lại được phú cho một ký ức cá biệt, độc lập với trí nhớ của bộ óc phàm cho nên đó không phải là bằng chứng của luân hồi. Eliphas Levi diễn tả điều này một cách hay ho như sau: “Thiên nhiên đóng tịt cửa lại đằng sau mọi sự vật đã diễn ra và đẩy sự sống tiến về phía trước” nơi các hình tướng hoàn hảo hơn. Con nhộng trở thành một con bướm và con bướm không bao giờ lại trở thành ấu trùng. Trong những giờ tịch lặng của ban đêm khi các giác quan thể xác của ta nhanh chóng bị kèm kẹp trong xiềng xích của giấc ngủ và xác phàm của ta đang yên nghỉ thì hình tướng tinh anh được giải phóng. Bấy giờ nó *rịn ra* khỏi cái ngục tù trần thế và theo lời diễn tả của Paracelsus, nó “đằm đọa với thế giới bên ngoài” và vân du trên thế giới hữu hình cũng như thế giới vô hình. Ông bảo rằng: “Trong khi ngủ thì anh hồn chuyển động tự do hơn, lúc bấy giờ nó bay vút lên tới tổ phụ của mình và đằm đọa với các ngôi sao”. Những giấc mơ, điềm báo trước, sự tiên tri, tiên đoán và linh cảm đều là những ấn tượng mà anh hồn để lại cho bộ óc của ta, bộ óc tiếp nhận những thứ này ít nhiều rõ ràng tùy theo mức cung cấp máu mà nó có được trong giờ ngủ. Cơ thể càng kiệt lực thì chơn nơn càng tự do và các ấn tượng của ký ức linh hồn lại càng sống động. Khi ngủ say và ngon giấc, không mộng mị và không bị đánh thức nửa chừng thì khi tỉnh dậy có ý thức về ngoại giới, con người đôi khi chẳng nhớ được chút nào. Nhưng các ấn tượng của cảnh tượng và phong cảnh mà thể tinh anh nhìn thấy trong cuộc viễn du vẫn còn đó mặc dù ẩn tàng bên dưới áp lực của vật chất. Chúng có thể được khơi hoạt vào bất cứ lúc nào và bấy giờ trong những lúc chớp lóe của ký ức nội giới nơi con người có một sự trao đổi ngay tức khắc năng lượng giữa vũ trụ hữu hình và vũ trụ vô hình. Một dòng năng lượng được xác lập giữa các “vi ảnh” của các hạch não và những phòng triển lãm tranh ảnh phối cảnh của ánh sáng tinh tú. Và một người biết được điều mà y chưa bao giờ tới viếng thăm khi ở trong xác phàm cũng chưa nhìn thấy phong cảnh và con người mà y nhận biết ra, thế mà vẫn quả quyết rằng mình đã nhận thấy và biết chúng rồi vì sự quen thuộc ấy được thực hiện trong khi “xuất giá”. Các nhà sinh lý học chỉ còn có nước phản đối điều này.. Họ ắt trả lời rằng khi ngủ tự nhiên – ngủ say và ngủ sâu thì “một nửa bản chất của ta vốn mang tính cố ý ở trong tình trạng bị trì trệ” vì thế cho nên ta không thể di chuyển được, thậm chí sự tồn tại của một anh hồn cá biệt như thế còn bị họ coi chẳng khác gì hơn là một chuyện thần thoại thú vị. Blumenbach quả quyết với ta rằng trong khi ngủ thì mọi giao tiếp giữa tâm trí và thể xác đều bị tạm ngưng; lời khẳng định này bị Bác sĩ Richardson, Hội viên Hội Hoàng gia chối bỏ, ông trung thực nhắc nhở nhà khoa học Đức rằng, ta còn “chưa biết ranh giới rõ ràng và mỗi

quan hệ chính xác giữa tâm trí và thể xác” thì làm sao mà dám nói như vậy được. Lời thú nhận này cộng thêm với những lời thú nhận của nhà sinh lý học người Pháp Fournié và lời thú nhận còn mới gần đây nữa của Bác sĩ Allchin, một y sĩ tài ba ở Luân đôn, trong một bài thuyết trình cho sinh viên, ông có thẳng thắn thú nhận rằng “trong mọi sự nghiệp khoa học thực tế có ảnh hưởng tới cộng đồng thì có lẽ chẳng sự nghiệp nào lại dựa trên một nền tảng bấp bênh và kém vững chắc như y học”; những lời nêu trên khiến ta có quyền bù trừ các giả thuyết của các khoa học gia thời xưa với các giả thuyết của các khoa học gia thời nay.

Không một người nào cho dù thô thiển và duy vật đến đâu đi nữa có thể tránh được một cuộc sống lưỡng bội; một đấng là sinh hoạt trong vũ trụ hữu hình, một đấng là sinh hoạt trong vũ trụ vô hình. Nguyên sinh khí vốn làm sinh động cho xác phàm của y chủ yếu ở nơi thể tinh anh; và trong khi những bộ phận mang nhiều thú tính của y đang yên ngủ thì những bộ phận mang nhiều tính linh không hề biết giới hạn hoặc trở ngại nào. Chúng ta hoàn toàn biết rõ rằng nhiều người có học cũng những người vô học ắt phản đối một thuyết mới mẻ như thế về sự phân bố nguyên sinh khí. Họ chẳng thà vẫn cứ sung sướng không biết gì và tiếp tục thú nhận rằng chẳng ai biết hoặc có thể tự cho là mình nói được cái tác nhân huyền bí ấy từ đâu xuất hiện ra và biến mất đi về đâu, còn hơn là dành một lúc chú ý tới điều mà họ coi là cái thuyết đã cổ hủ và bị mất uy tín. Một số người có thể phản đối dựa vào cơ sở của thần học theo đó những con thú câm lặng không có hồn bất tử và vì thế cho nên có thể có anh hồn; *đó là vì các nhà thần học cũng như người bình thường đều vật lộn với ấn tượng sai lầm rằng linh hồn và anh hồn là cùng một thứ*. Nhưng nếu ta nghiên cứu Plato và các triết gia khác thời xưa thì ta có thể dễ dàng nhận thức được rằng trong khi “hồn *phi lý*” (Plato dùng từ này để ngụ ý anh hồn tức cái biểu diễn tinh vi hơn của bản thân ta) cùng lắm cũng chỉ có thể ít nhiều kéo dài sự tồn tại vượt khỏi lúc cái xác đã được chôn xuống mồ; thì linh hồn – mà Giáo hội gọi sai lầm là phần *hồn* – có bản thể bất tử. (Bất cứ học giả tiếng Hebrew nào cũng dễ dàng thẩm định sự khác nhau ấy nếu y hiểu được sự khác nhau giữa hai từ *ruah* và *nephesh*). Nếu nguyên sinh khí là một điều nào đó độc lập với anh hồn và tuyệt nhiên không gì liên quan tới nó thì tại sao cường độ của khả năng thần nhãn lại tùy thuộc xiết bao vào sự kiệt quệ thể xác của đối tượng? Cơ xuất thần càng sâu, cơ thể càng bộc lộ ít dấu hiệu sự sống thì các nhận thức tâm linh lại càng trở nên rõ ràng hơn và sự thấu thị của linh hồn lại càng trở nên mạnh mẽ hơn. Linh hồn khi đã thoát được gánh nặng của các giác quan xác phàm tỏ ra có hoạt động, đầy quyền năng ở một mức độ mạnh mẽ hơn nhiều so với mức có thể được trong một cơ thể khỏe mạnh cường tráng. Brierre de Boismont đã cung cấp đi cung cấp lại những ví dụ về sự kiện này. Các cơ quan thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác và thính giác tỏ ra bén nhạy hơn nhiều nơi một đối tượng bị thôi miên mesemer vốn không có khả năng vận dụng các giác quan của thể xác so với khi y sử dụng các giác quan này ở trạng thái bình thường.

Chỉ nội những sự kiện đó thôi, một khi được chứng tỏ rồi cũng là những chứng minh không thể khuất phục được về sự liên tục của sự sống cá biệt, ít ra trong một thời kỳ nào đó sau khi ta đã bỏ xác hoặc là vì nó đã mòn mỏi hoặc là vì do bị tai nạn. Nhưng mặc dù trong khi tạm trú ngắn ngủi trên trần thế, linh hồn của ta có khi phải giấu nghề, song nó vẫn còn chói sáng ít nhiều để thu hút về mình những ảnh hưởng vong linh tử tế, và khi một tư tưởng mang tính cách thiện hoặc ác nảy sinh ra trong bộ óc của ta thì nó thu hút về mình *những xung lực* có bản chất giống như thế một cách không thể cưỡng lại được giống như nam châm hút mạt sắt vậy. Sự thu hút này cũng tỉ lệ với cường độ mà xung lực tư tưởng biểu hiện ra nơi chất ether; và như vậy ta ắt hiểu được làm thế nào mà một người có thể gây ấn tượng mạnh mẽ lên thời đại của mình đến nỗi mà – thông qua các

dòng năng lượng được trao đổi thường xuyên giữa hai thế giới vô hình và hữu hình - ảnh hưởng đó có thể được chuyển di từ thời đại nối tiếp này sang thời đại nối tiếp khác, cho đến khi nó ảnh hưởng tới một số lớn loài người.

Cũng khó mà nói được rằng các tác giả của tác phẩm nổi tiếng mang tên *Vũ trụ Vô hình* đã tự cho phép mình suy nghĩ nhiều đến đâu theo chiều hướng này, nhưng họ có thể không nói hết những gì mà họ suy diễn ra theo ngôn ngữ sau đây:

“Bạn hãy thoải mái ngắm nhìn xem, không còn nghi ngờ gì nữa các tính chất của chất ether thuộc một cấp độ cao hơn các *vật chất hữu tình* trong phạm vi hoạt động của thiên nhân. Và vì ngay cả các bậc cao đạo trong khoa học cũng còn thấy là vật chất hữu tình *vượt xa* tầm hiểu biết của họ, ngoại trừ trong nhiều chi tiết đặc thù tỉ mỉ và thường biệt lập, cho nên ta cũng chẳng ít lợi gì mà suy đoán thêm nữa. Đối với mục đích của mình, ta cũng chỉ cần biết rằng chất ether chắc chắn thực hiện được *nhều điều hơn mức mà bất cứ người nào dám nói*”.

Một trong những khám phá thú vị nhất của thời hiện đại đó là năng lực khiến cho một lớp người thông linh nào đó có thể tiếp nhận được từ bất kỳ vật nào cầm trên tay hoặc đặt trên tay những ấn tượng về tiến trình hoặc hình dáng của một cá nhân hoặc bất kỳ sự vật nào khác mà nó trước kia đã từng tiếp xúc với. Vậy là một bản thảo, một bức tranh, một bộ quần áo hoặc đồ trang sức - cho dù xưa cũ đến đâu đi nữa - cũng truyền thụ cho người thông linh một hình ảnh sống động về tác giả của bản thảo, họa sĩ của bức tranh hoặc người mang quần áo hay đồ trang sức cho dù y sống thời Ptolemy hay Enoch. Thậm chí còn hơn nữa; một mảnh vụn của một tòa nhà cổ có thể gợi nhớ lại lịch sử của nó và ngay cả những phong cảnh diễn ra bên trong hoặc xung quanh nó. Một chút quặng cũng đưa tâm thấu thị của linh hồn về tận cái thời kỳ mà nó còn đương tạo lập ra. Năng lực này được người phát hiện ra nó - Giáo sư J. R. Buchanan ở Louisville, Kentucky - gọi là *thuật trắc tâm*. Đối với ông thì thế giới phải chịu ơn Khoa học Tâm lý do có đóng góp thêm điều tối quan trọng này; và có lẽ đến với ông, khi sự tích tụ các sự kiện đã dồn ã được đa nghi thì hậu thế phải dựng lên một pho tượng để ghi ơn. Khi loan báo cho công chúng phát hiện vĩ đại của mình, Giáo sư Buchanan, chỉ hạn chế vào khả năng trắc tâm để phác họa tính tình con người, nói rằng: “Ảnh hưởng tâm trí và sinh lý được truyền thụ cho tài liệu viết ra dường như là bất diệt, những mẫu xưa cũ nhất mà tôi đã từng khảo cứu đều cung cấp những ấn tượng một cách mạnh mẽ và rành rọt, ít bị thời gian hủy hoại. Các bản thảo cổ vốn đòi hỏi một người buôn bán đồ cổ phải giải mã thuật viết chữ kỳ lạ thời xưa thì lại dễ dàng được thuyết giải bằng khả năng trắc tâm . . . Tính chất giữ lại được ấn tượng của tâm trí không chỉ giới hạn vào tài liệu viết. Các hình vẽ, các bức tranh, mọi thứ mà con người có thể tiếp xúc, có truyền đạt tư tưởng và ý chí vào đó đều có thể được liên kết với tư tưởng và sự sống ấy sao cho tâm trí của một người khác có thể nhớ lại được nó khi tiếp xúc với nó”.

Có lẽ vào lúc khởi đầu của khám phá vĩ đại này ông không thật sự biết được ý nghĩa của những lời lẽ tiên tri của mình cho nên Giáo sư nói thêm rằng: “Khám phá này khi được ứng dụng vào nghệ thuật và lịch sử sẽ mở ra đủ mọi kiến thức thú vị”^[18].

Sự tồn tại của năng lực này đã được chứng tỏ bằng thực nghiệm đầu tiên vào năm 1841. Từ đó trở đi nó đã được cả ngàn trắc tâm viên ở khắp nơi trên thế giới chứng thực. Nó chứng tỏ rằng mọi diễn biến trong thiên nhiên - cho dù tỉ mỉ hoặc kém quan trọng đến đâu đi chăng nữa - đều để lại dấu ấn không phai nhòa được trong thiên nhiên vật lý và vì không có một sự xáo trộn phân tử đáng kể nào cho nên ta chỉ có thể suy diễn rằng

[18] J. R. Buchanan, Bác sĩ Y khoa: “Phác thảo các bài Thuyết trình về Hệ thần kinh trong Nhân loại”.

những hình ảnh này đã được tạo ra bởi cái lực vô hình vũ trụ là chất ether, tức ánh sáng tinh tú.

Trong tác phẩm hấp dẫn tựa đề là *Linh hồn của Vạn vật*, Giáo sư Denton, nhà địa chất học^[19] đã thảo luận dông dài về đề tài này. Ông cung cấp vô số ví dụ và khả năng mà bà Denton có được ở mức độ đáng kể. Một mảnh vụn căn nhà của Cicero ở Tusculum khiến cho bà mô tả không một chút bóng gió nào về bản chất của vật đặt lên trên trán bà, chẳng những là môi trường xung quanh của nhà hùng biện vĩ đại mà còn là chủ nhân trước đó của tòa nhà là Cornelius Sukka Felix, hoặc theo như người ta thường gọi ông là nhà độc tài Sulla. Một mẫu đá hoa cương từ nhà thờ Ki Tô giáo thời xưa ở Smyrna đưa lại trước mắt bà giáo đoàn và các vị tu sĩ hành lễ ở đó. Các mẫu vật từ Nineveh, Trung quốc, Jerusalem, Hi Lạp, Ararat và những nơi chốn khác trên khắp thế giới đều dựng lại những phong cảnh trong cuộc đời của đủ thứ nhân vật mà tro tàn đã bị rải rác cách đây hàng ngàn năm rồi. Trong nhiều trường hợp Giáo sư Denton kiểm chứng lại những phát biểu của bà bằng cách tham chiếu những sử liệu. Hơn nữa, một mẫu xương nhỏ hoặc một mảnh răng của một con thú thời tiền hồng thủy nào đó cũng khiến cho nhà nữ thẩu thị nhận thức được tạo vật đó như thể nó còn sinh động, thậm chí bà còn sống được một vài phút giây ngăn ngui trong cuộc đời của nó và trải nghiệm được những cảm giác của nó. Những góc ngách ẩn giấu nhất trong địa hạt thiên nhiên cũng giao nộp mọi bí mật của nó cho sự tìm tòi tha thiết của nhà trắc tâm và những diễn biến của những thời kỳ xa xưa nhất cũng cạnh tranh về những ẩn tượng sống động so với những tình huống phù du của ngày hôm qua.

Cũng trong tác phẩm ấy, tác giả có nói: "Không một chiếc lá nào phe phẩy, không một con côn trùng nào bò lê, không một đợt sóng lăn tăn nào vùng vẫy mà mỗi chuyển động đó lại không ghi chép lại bởi cả ngàn người ghi chép trung thực chép vào quyển thánh thư không hề sai lầm và không phai nhòa được. Điều này cũng đúng như mọi thời gian trong quá khứ. Từ buổi bình minh khi ánh sáng lổ dạng trên bầu hành tinh ấu trĩ này, khi những màn hơi nước còn treo lơ lửng xung quanh cái nôi của nó mãi cho tới giờ phút này, thiên nhiên vẫn còn bận rộn chụp ảnh mọi thứ. Phòng triển lãm tranh ảnh của nó kỳ diệu biết dường nào!".

Đối với chúng ta dường như là hoàn toàn không thể được khi tưởng tượng ra việc các phong cảnh ở Thebes thời xưa hoặc trong một đền thờ nào đó vào thời tiền sử lại chỉ được chụp ảnh trên chất liệu của một vài nguyên tử. Hình ảnh của những biến cố đó đã được nhúng chìm trong cái môi trường phổ biến khắp vũ trụ thẩm nhuần vạn vật và ghi lại tất cả mà các triết gia gọi là "Linh hồn của Thế giới", còn ông Denton gọi là "Hồn của Vạn vật". Khi áp sát mảnh vụn của một chất liệu vào trán của mình nhà trắc tâm đã khiến cho *chơn ngã* của mình giao tiếp với phần hồn bên trong của vật mà mình cầm nắm. Giờ đây thì người ta công nhận rằng hậu thiên khí (æther) vũ trụ thẩm nhuần vạn vật trong thiên nhiên ngay cả vật rắn chắc nhất. Người ta cũng bắt đầu thừa nhận rằng chất này bảo tồn hình ảnh của mọi sự việc diễn ra. Khi nhà trắc tâm khảo sát mẫu vật của mình thì y bèn được tiếp xúc với dòng ánh sáng tinh tú có liên kết với mẫu vật ấy và có ghi lại hình ảnh của những diễn biến liên quan tới lịch sử của mẫu vật. Theo Denton, những hình ảnh này lướt qua trước tầm nhìn của ông nhanh như ánh sáng; hết cảnh này tới cảnh khác chen chúc nhau nhanh đến nỗi chỉ nhờ việc vận dụng tối đa tới ý chí, ông mới có thể giữ cho bất kỳ phong cảnh nào tồn tại lâu trong thị trường của mình đủ để mô tả được nó.

[19] W. và Elizabeth M. F. Denton: "Linh hồn của Vạn vật; tức những Phát hiện và Khảo cứu về Thuật trắc tâm", Boston, 1873.

Nhà trắc tâm có thần nhãn nghĩa là y thấy bằng mắt nội giới. Nếu khả năng ý chí của y không mạnh lắm, nếu y không tự rèn luyện mình rất ráo đối với hiện tượng đặc thù này, nếu sự hiểu biết của y về khả năng nhìn của mình chưa sâu sắc thì nhận thức của y về nơi chốn con người và diễn biến tất nhiên phải rất lẫn lộn. Nhưng trong trường hợp thuật thôi miên Mesmer, trong đó người ta cũng phát triển năng lực thần nhãn này thì nhà thao tác có ý chí kiểm soát được ý chí của đối tượng, có thể bắt buộc đối tượng phải tập trung chú tâm vào một bức ảnh cho sẵn đủ lâu để quan sát mọi chi tiết vụn vặt của nó. Hơn nữa nhờ được sự dẫn dắt của nhà thôi miên mesemer lão luyện, nhà thấu thị sẽ vượt qua mặt nhà trắc tâm tự nhiên khi tiên tri được các diễn biến tương lai rõ ràng và minh bạch hơn nhà trắc tâm. Đối với ai có thể phản đối khả năng nhận thức được điều còn "chưa xảy ra" thì chúng tôi xin hỏi. Tại sao không thể thấy điều xảy ra nếu ta đã từng đưa trở lại trước tầm nhìn của mình điều đã xảy ra và có gì khác đâu? Theo giáo lý của kinh Kabala thì tương lai tồn tại trong ánh sáng tinh tú dưới dạng thai nghén cũng như hiện tại tồn tại dưới dạng thai nghén trong quá khứ. Trong khi con người được tự do hành động tùy ý thích thì lúc nào người ta cũng biết được trước cách thức mà y sẽ hành động; không phải dựa trên cơ sở thuyết định mệnh hoặc số phận mà chỉ dựa trên cơ sở nguyên lý hài hòa bất biến trong vũ trụ; và ta cũng có thể biết trước khi một nốt nhạc trỗi lên thì các rung động của nó ắt không và không thể biến thành rung động của một nốt nhạc khác. Và lại, thời gian vĩnh hằng đâu có quá khứ cũng như tương lai mà chỉ có hiện tại, cũng giống như không gian vô biên theo đúng nghĩa đen đâu thể có nơi xa hoặc nơi gần. Nhận thức của ta vì bị giới hạn vào phạm vi hẹp hòi của knh nghiệm cho nên thử ra sức thích ứng nếu không phải là sự tận cùng thì ít ra cũng là sự bắt đầu trong không gian và thời gian. Nhưng thật ra thì cả bắt đầu lẫn kết thúc đều đâu có tồn tại, vì trong trường hợp đó thì chẳng hóa ra thời gian không vĩnh hằng và không gian chẳng vô biên hay sao. Như ta có nói, quá khứ cũng như tương lai đâu có tồn tại mà chỉ có ký ức của ta là còn sống sót; thế mà ký ức của ta chẳng qua chỉ là những sự thoáng thấy mà ta chụp giựt được từ những phản chiếu của quá khứ vào trong các dòng của ánh sáng tinh tú cũng giống như nhà trắc tâm chụp giựt được chúng từ những bức xạ tinh tú của những vật thể mà y đang nắm giữ.

Khi nói về những ảnh hưởng của ánh sáng lên trên các vật thể và việc tạo lập các hình ảnh trên vật thể nhờ vào ánh sáng, Giáo sư E. Hitchcock có cho biết: "Vây thì dường như là tác dụng chụp ảnh này thấm nhuần trọn cả thiên nhiên; ta chẳng nói được nó chấm dứt ở đâu. Ta cũng chẳng biết, nhưng nó có thể ghi dấu ấn các đặc điểm của ta lên trên thế giới xung quanh ta khi các đặc điểm ấy bị đủ thứ nổi đam mê biến đổi và do đó chúng lấp đầy thiên nhiên bằng những ấn tượng theo kiểu phép chụp hình Daguerre về mọi tác động của ta; . . . cũng có thể đó là những cuộc trắc nghiệm khiến cho thiên nhiên vốn tài khéo hơn bất kỳ người chụp ảnh nào có thể làm nổi bật lên và cố định những bức chân dung này sao cho các giác quan *nhạy bén hơn* giác quan của ta thấy chúng trải rộng bên trên một tấm vải vẽ tranh lớn trong vũ trụ vật chất. *Có lẽ* chúng chẳng bao giờ phai nhòa đi được khỏi tấm vải này mà trở thành các mẫu vật trong phòng triển lãm tranh vĩ đại của thời gian vĩnh hằng ^[20] .

Từ đó trở đi, từ "có lẽ" của Giáo sư Hitchcock đã thay đổi do việc người ta chứng minh được thuật trắc tâm đắc thắng một cách khả hoàn. Những người nào hiểu được các năng lực tâm lý và thần nhãn này sẽ loại trừ ngoại lệ trong ý tưởng của Giáo sư Hitchcock theo đó các giác quan *nhạy bén hơn* giác quan của ta là cần thiết để thấy được những bức tranh này trên tấm ảnh vẽ tranh theo giả thuyết về vũ trụ của ông; người ta

[20] "Tôn giáo Địa chất học".

quả quyết rằng ông chỉ nên giới hạn những hạn chế của mình cho giác quan ngoại giới của thể xác. *Tinh thần của con người vốn là Tinh thần bất tử, Thiên liêng, cho nên không thẩm định quá khứ hoặc tương lai mà chỉ thấy vạn vật như trong hiện tại.* Những bức ảnh Daguerre mà ông có nhắc tới trong đoạn trích dẫn nêu trên được ghi khắc lên ánh sáng tinh tú, như ta có nói trước kia và theo giáo lý của Hermes (phần đầu tiên của giáo lý này đã được khoa học chấp nhận và chứng minh) ánh sáng tinh tú ghi chép lại mọi điều đã, đang hoặc sẽ xảy ra.

Gần đây một số nhà bác học của ta đặc biệt chú ý tới một đề tài cho đến nay bị chụp mũ là "mê tín dị đoan". Họ bắt đầu suy đoán về giả thuyết có những thế giới vô hình. Các tác giả của tác phẩm *Vũ trụ Vô hình* là những người đầu tiên mạnh dạn mở đường và họ đã tìm được một người nối gót là Giáo sư Fiske, những suy đoán của ông được trình bày trong tác phẩm *Thế giới Vô hình*. Hiển nhiên là các nhà khoa học đang thăm dò cái nền tảng bấp bênh của thuyết duy vật và khi cảm thấy nó rung chuyển dưới chân mình thì họ bèn chuẩn bị cho một sự đầu hàng, nộp vũ khí ít nhục nhã hơn trong trường hợp thua trận. Jevons tán thành Babbage và cả hai tin chắc rằng mọi tư tưởng khi làm dịch chuyển các hạt trong bộ óc khiến cho chúng chuyển động đều phân tán chúng ra khắp vũ trụ và nghĩ rằng "mỗi hạt của vật chất đang hiện hữu đều phải ghi lại mọi thứ đã xảy ra" [21]. Mặt khác trong bài thuyết trình về vật lý học, Tiến sĩ Thomas Young đã dứt khoát mời gọi chúng ta "thoải mái suy đoán về khả năng có những thế giới độc lập; một số tồn tại ở những nơi khác, một số *lồng vào nhau* cùng một vị trí trong không gian mà không ai thấy và không ai biết, lại còn một số khác nó có thể không cần tới phương thức tồn tại trong không gian".

Nếu xuất phát từ một quan điểm thuần túy khoa học chẳng hạn như khả năng là năng lượng được chuyển dời vào trong vũ trụ vô hình mà các nhà khoa học tha hồ suy đoán như thế dựa vào nguyên lý liên tục thì tại sao người ta lại không cho phép các nhà huyền bí học và thần linh học cũng có được đặc quyền như thế? Theo khoa học các ấn tượng của hạch thần kinh trên bề mặt của một lớp kim loại đánh nhẵn bóng được ghi lại và có thể được bảo tồn trong một thời khoảng vô hạn định; Giáo sư Draper minh họa sự kiện này một cách thơ mộng nhất bằng cách nói rằng: "Một cái bóng không bao giờ chiếu lên một bức tường mà không để lại trên đó một dấu vết thường xuyên, một dấu vết mà ta có thể làm cho hiện hình được bằng cách cầu viện tới những phương thức thích hợp . . . Chân dung của người bạn hoặc phong cảnh có thể bị che khuất mắt ta trên bề mặt nhạy bén, nhưng chúng sẵn sàng xuất hiện ngay khi ta cầu viện tới những thuốc rửa thích hợp. Một bóng ma được che giấu trên một bề mặt bằng bạc hoặc nhẵn như gương cho tới khi ta dùng thuật chiêu hồn để cho nó xuất hiện vào thế giới hữu hình. Trên vách tường của những biệt thự riêng tư nhất, nơi ta nghĩ rằng những con mắt soi bói quấy rầy hoàn toàn bị loại trừ và không ai xúc phạm tới được sự ẩn dật của mình thì vẫn tồn tại những vết tích của mọi hành vi của ta, những hình bóng của bất cứ điều gì mà ta đã thực hiện" [22]

Nếu ta có thể thu được một ấn tượng không thể phai nhòa từ vật chất vô cơ và nếu trong vũ trụ không điều gì bị mất đi hoặc hoàn toàn biến mất thì tại sao cả một đạo quân khoa học lại gờ vũ khí chống lại tác giả của quyển *Vũ trụ Vô hình*. Và dựa trên cơ sở nào mà họ bác bỏ giả thuyết theo đó "*Tư tưởng, khi được quan niệm là có ảnh hưởng tới vật chất của một vũ trụ khác đồng thời với vật chất của vũ trụ này, lại có thể giải thích được một trạng thái trong tương lai?*" [23]

[21] "Các Nguyên lý của Khoa học", quyển ii, trang 455.

[22] J. W. Draper: "Xung đột giữa Tôn giáo và Khoa học", trang 132-133.

[23] "Vũ trụ Vô hình", trang 159.

Theo ý kiến chúng tôi thì nếu thuật trắc tâm là một trong những bằng chứng vĩ đại nhất về tinh bất diệt của vật chất vì đời đời còn giữ lại được những ấn tượng của ngoại giới, thì việc nội nhãn của ta có thể có được năng lực đó ắt là một bằng chứng còn lớn lao hơn nữa ủng hộ cho tính bất tử của tinh thần cá thể con người. Vốn có thể phân biệt được những diễn biến xảy ra cách đây hàng trăm ngàn năm thì tại sao nó không áp dụng được cũng năng lực đó cho một tương lai còn đắm chìm trong thời gian vĩnh hằng, trong đó không thể có quá khứ cũng như tương lai mà chỉ có thể có một hiện tại vô biên nhất như?

Mặc dù bản thân các nhà khoa học tự thú là dốt nát ghê gớm về một số chuyện, nhưng họ vẫn còn chối bỏ sự tồn tại của cái lực tâm linh bí nhiệm vốn vượt ngoài tầm hiểu biết của những định luật vật lý thông thường. Họ vẫn còn hi vọng có thể áp dụng được cho các sinh vật cũng những định luật mà họ thấy phù hợp với vật chất trơ. Và sau khi đã phát hiện ra điều mà các môn đồ kinh Kabala gọi là “những thứ tẩy trược” của Ether (ánh sáng, nhiệt, điện và sự vận động), họ lấy làm hoan hỉ với cái vận may của mình khi đếm các rung động của nó để tạo ra các màu sắc trong quang phổ và đặc chí với thành tích ấy, họ bèn từ chối không tìm hiểu gì thêm nữa. Một số nhà khoa học đã suy nghĩ ít nhiều về cái bản thể thiên biến vạn hóa ấy, khi không thể đo lường nó bằng quang kế, họ bèn gọi nó là “một môi trường theo *giả thuyết* có tính đàn hồi rất lớn và cực kỳ tế vi, được *giả định* là thấm nhuần trọn cả không gian kể cả bên trong các vật thể rắn chắc; “đó là môi trường để truyền dẫn ánh sáng và nhiệt” (theo Tự điển). Những người khác mà chúng tôi xin gọi là “những bóng ma trơi” trong khoa học, những đứa con hoang của khoa học, những người này cũng khảo sát nó; thậm chí còn bảo chúng tôi rằng họ đã mất công xăm soi nó “bằng kính lúp”. Nhưng khi nhận thức rằng trong đó chẳng có vong linh cũng như ma quỷ, cũng không phát hiện nơi các làn sóng bội bạc của nó bất cứ điều gì mang tính cách khoa học hơn thì họ bèn quay ngoắt đi và gọi mọi kẻ tin tưởng vào sự bất tử nói chung (nhà thần linh học nói riêng) là “những kẻ điên rồ mất trí”, “điên khùng đầy ảo tưởng”^[24]; trọn cả cái giọng lưỡi nỏ nê như thế hoàn toàn thích hợp với bối cảnh của một sự thất bại đáng buồn như vậy.

Tác giả quyển *Vũ trụ Vô hình* có nói:

“Chúng tôi đã trực xuất tác động của cái điều bí nhiệm tên là *Sự Sống* ra khỏi vũ trụ khách quan. Lỗi lầm là ở chỗ khi tưởng tượng dùng cái quá trình đó thì họ hoàn toàn dứt bỏ được một sự việc đã vượt trước họ và nó sẽ bị biến mất hoàn toàn khỏi vũ trụ. Đâu có phải như thế. Nó chỉ biến mất khỏi cái *phạm vi nhỏ hẹp* trong ánh sáng mà chúng ta có thể gọi là vũ trụ theo *nhận thức của khoa học*. Nếu ta gọi nó là bộ ba bí nhiệm: bí nhiệm về vật chất, bí nhiệm về sự sống và bí nhiệm về Thượng Đế, thì ba Ngôi này chỉ là *một Thế*”^[25].

Khi dựa trên cơ sở “vũ trụ hữu hình *chắc chắn phải kết liễu thành năng lượng có thể biến hóa* được và có lẽ kết thúc nơi *vật chất*”, cũng như “nguyên tắc liên tục đòi hỏi vũ trụ phải được tiếp nối”, thì các tác giả của tác phẩm đáng chú ý này thấy mình bắt buộc phải tin rằng “có một điều gì đó *vượt ngoài* vũ trụ hữu hình . . .^[26] và hệ thống hữu hình không phải là trọn cả vũ trụ mà có lẽ nó chỉ là một phần rất nhỏ của toàn thể vũ trụ”. Hơn nữa, khi nhìn tới cũng như nhìn lui, xét về nguồn gốc của vũ trụ hữu hình này, các tác giả lại nhấn mạnh rằng “nếu vũ trụ hữu hình là *tất cả* những gì tồn tại thì sự biểu lộ đột ngột đầu tiên của nó quả thật là một sự phá vỡ tính liên tục chẳng kém gì việc nó

[24] F. R. Marvin: “Bài giảng về Chứng Cường si Đồng cốt”.

[25] “Vũ trụ Vô hình”, trang 84 và tiếp theo.

[26] Như trên, trang 89.

cuối cùng bị sụp đổ” (Mục 85). Do đó xét vì một sự phá vỡ như thế đi ngược lại định luật liên tục đã được chấp nhận, các tác giả đi tới kết luận sau đây:

“Thế mà đâu có kém tự nhiên khi tưởng tượng rằng một vũ trụ có bản chất như vậy (*mà ta có lý do để nghĩ rằng nó tồn tại*) và có liên quan tới vũ trụ hữu hình bằng những sự ràng buộc về năng lượng, một vũ trụ như thế cũng có thể tiếp nhận năng lượng từ vũ trụ hữu hình? . . . Tại sao ta lại không thể coi chất Ether tức môi trường không chỉ là một cầu nối ^[27] giữa một thứ bậc sự vật này với một thứ bậc sự vật khác, có thể nói nó tạo thành một loại xi măng nhờ đó đủ loại thứ bậc trong vũ trụ được hàn gắn lại với nhau thành một? Tóm lại, điều mà ta thường gọi là chất Ether có thể không chỉ là một môi trường mà còn là một môi trường *cộng thêm* với thứ bậc vô hình của các sự vật, sao cho khi sự vận động của vũ trụ hữu hình được chuyển di sang chất Ether thì một phần sự vận động đó được truyền đi dường như qua *một cầu nối* nhập vào vũ trụ vô hình để được sử dụng và tích trữ trong đó. Thậm chí cũng chẳng cần phải giữ lại quan niệm về một cầu nối? Chẳng lẽ ta không thể nói huých toẹt ra ngay rằng khi năng lượng được truyền từ vật chất sang chất Ether thì nó được chuyển từ vũ trụ hữu hình sang vũ trụ vô hình; còn khi nó được truyền từ chất Ether sang vật chất thì nó được chuyển từ vũ trụ vô hình sang vũ trụ hữu hình?” (Mục 198, trong tác phẩm *Vũ trụ Vô hình*).

Đúng như vậy, và nếu Khoa học chịu dẫn thêm vài bước nữa theo chiều hướng đó để thăm dò một cách nghiêm chỉnh hơn cái “môi trường theo giả thuyết” ấy thì biết đâu chừng người ta lại có thể dễ dàng và an toàn đáng ngạc nhiên khi vượt qua được cái vực sâu không ai vượt qua nổi của Tyndall ngăn cách các quá trình vật lý trong bộ óc với ý thức (ít ra là xét theo quan điểm tri thức).

Mãi từ năm 1856, một người được coi là bác học vào thời kỳ ấy – Bác sĩ Jobard ở Paris – chắc chắn cũng có những ý tưởng giống như tác giả quyển *Vũ trụ Vô hình* đối với chất ether, khi ông làm sừng sốt báo chí và thế giới khoa học qua lời tuyên bố sau đây: “Tôi đã phát hiện ra một điều làm chính mình cũng phát hoảng. Có hai loại điện: một loại thô thiển và mù quáng được tạo ra khi kim loại tiếp xúc với chất axit” (chất tẩy trước thô); loại kia thông minh và có tính THẤU THỊ . . . Điện đã rẽ nhánh ra làm hai trong tầm tay của Galvani, Nobili và Matteuci. Luật thô thiển của dòng điện đã đi theo Jacobi, Bonelli và Moncal, trong khi lực trí tuệ đi theo Bois-Robert, Thilorier và Hiệp sĩ Duplanty. Quả cầu điện tức điện dưới dạng sét hòn bao gồm một tư tưởng không tuân lời Newton và Mariette mà tuân theo những cơ chứng thất thường của mình . . . Trong Kỷ yếu Hàn lâm viện, chúng ta có hàng ngàn bằng chứng về sự THÔNG MINH của *điện dưới dạng sét hòn* ấy . . . Nhưng tôi nhận thấy rằng mình đang buông lung cho nên mới trở nên không kín miệng. Một chút nữa *tôi sẽ tiết lộ* cho bạn biết cái bí quyết sắp giúp cho ta phát hiện được tinh thần vũ trụ” ^[28].

Đoạn nêu trên cùng với lời thú nhận kỳ diệu của khoa học và những gì mà chúng tôi vừa trích dẫn từ tác phẩm *Vũ trụ Vô hình* đã soi sáng thêm nữa cho minh triết của những thời đại đã qua từ lâu rồi. Ở một trong những trang trước kia, chúng tôi có ám chỉ một đoạn trích dẫn trong bản dịch của Cory về tác phẩm *Các Mảnh vụn Cổ truyền* trong đó

[27] Xem này! Các nhà khoa học vĩ đại ở thế kỷ 19 khi bổ chứng cho minh triết trong truyện ngụ ngôn Bắc Âu được trích dẫn trong chương trước đó. Cách đây nhiều ngàn năm, ý tưởng về một cây cầu ở giữa vũ trụ hữu hình và vũ trụ vô hình đã được một người “ngoại đạo” đột nát tạo thành dụ ngôn qua “bài ca Edda ở Völuspa”. “Linh ảnh của nhà nữ Thấu thị Vala”. Đó là vì đâu là cây cầu Bifrost, cầu vồng chói sáng đưa chư thiên tới gặp gỡ nhau ở gần suối nguồn Urdar. Nếu không phải cũng ý tưởng đó đã được hiển ra cho môn sinh biết suy tư do các tác giả của quyển “Vũ trụ Vô hình”?

[28] “Người bạn của Khoa học”, ngày 2 tháng 3 năm 1856, trang 67.

dường như một trong các *Sấm truyền Chaldea* cũng diễn tả ý tưởng giống hệt như vậy về ether với một luận điệu đặc biệt giống như khẩu khí của các tác giả *Vũ trụ Vô hình*. Nó phát biểu rằng hậu thiên khí (æther) là nơi sản sinh ra vạn vật và vạn vật lại trở về nó; hình ảnh của vạn vật được ghi khắc không phai nhòa trên hậu thiên khí. Đó là kho chứa mầm mống hoặc di tích của mọi hình tướng hữu hình và ngay cả của các ý tưởng nữa. Đường như thể trường hợp này đã bổ chứng một cách kỳ lạ cho điều khẳng định của chúng tôi theo đó thời nay bất cứ ta khám phá ra được điều gì thì cũng thấy cách đây nhiều ngàn năm "tổ tiên chất phác" của ta đã giải quyết trước điều đó rồi.

Ở mức mà người ta đang đạt tới hiện nay, khi các nhà duy vật đã có một thái độ hoàn toàn xác định đối với các hiện tượng thông linh thì chúng tôi có thể yên tâm khẳng định rằng nếu cái chìa khóa này mà nằm ở hồ trên thềm của "vực thẳm" thì chẳng có ông Tyndall của chúng ta mà lại chịu cúi mình xuống nhặt nó lên.

Đối với một số môn đồ kinh Kabala thì những cố gắng đầy toan tính để giải quyết BÍ NHIỆM LỚN về chất ether vũ trụ này sao mà dường như rứt rề thế. Mặc dù bất cứ điều gì được các nhà thám hiểm thông minh trong tác phẩm *Vũ trụ Vô hình* suy đoán cho đến nay đều tiên tiến hơn bất cứ thứ gì được các triết gia hiện đại xiển dương thì nó vẫn chỉ là một khoa học quen thuộc đối với các bậc thầy về triết học Hermes. Đối với họ, chất ether không chỉ là một cầu nối liên khía cạnh hữu hình với khía cạnh vô hình trong vũ trụ mà đôi bàn chân táo bạo của họ khi băng qua nhịp cầu ấy sẽ đi theo con đường dẫn tới những cánh cổng bí nhiệm khi những kẻ suy đoán hiện đại hoặc là ắt không hoặc là *không thể* mở khóa được.

Nhà thám hiểm hiện đại càng khảo cứu sâu sắc bao nhiêu thì y lại càng thường phải giáp mặt với những khám phá của cổ nhân bấy nhiêu. Nếu Elie de Beaumont (nhà địa chất học vĩ đại người Pháp) mà dám nói bóng gió về sự lưu thông trong quả đất liên quan tới một số nguyên tố trong vỏ quả đất thì bản thân ông ta ắt thấy rằng điều đó đã được các triết gia thời xưa giải quyết trước rồi. Chúng tôi xin hỏi các nhà công nghệ xuất sắc đâu là những phát hiện mới nhất liên quan tới nguồn gốc của những lớp trầm tích mang kim loại? Chúng tôi nghe nói một người là Giáo sư Sterry Hunt khi chứng tỏ cho chúng tôi thấy nước là một *dung môi vạn năng* như thế nào lại phát biểu chính cái học thuyết mà Thales thời xưa đã chủ trương và giảng dạy cách đây hơn hai tá thế kỷ, theo đó nước là nguyên thể của vạn vật. Chúng tôi lắng nghe cũng vị giáo sư đó, cũng dựa vào thẩm quyền của de Beaumont trình bày sự lưu thông trong trái đất cũng như các hiện tượng hóa học và vật lý của thế giới vật chất. Khi chúng tôi thích thú đọc ông "chưa chuẩn bị chấp nhận rằng trong các quá trình hóa học và vật lý có *trộn cả bí mật của sự sống hữu cơ*", thì chúng tôi lại càng thích thú hơn nữa khi lưu ý thấy lời thú nhận trung thực sau đây của chính ông: "Xét về nhiều phương diện, chúng ta đang gần kề với các hiện tượng của thế giới hữu cơ hơn là các hiện tượng của giới khoáng vật; đồng thời chúng ta học biết được rằng cho đến nay những hiện tượng này liên quan và tùy thuộc lẫn nhau nhiều đến mức chúng ta *bắt đầu thấy có một sự thật nào đó* làm cơ sở cho ý niệm của các triết gia thời xưa; họ mở rộng ý niệm về sinh lực sang tận thế giới khoáng vật, điều này khiến họ nói tới trái đất là một cơ thể *sống* vĩ đại và coi đủ thứ biến đổi về khí hậu, nước nổi và chiều sâu đất đá của nó là những quá trình sinh hoạt của hành tinh ta".

Mọi thứ trên đời này đều phải có khởi đầu. Gần đây sự việc đã đi quá xa trong giới khoa học gia xét về mặt thành kiến đến nỗi thật là kỳ lạ khi ngay cả điều đó họ cũng phải nhượng bộ triết học cổ truyền. Những nguyên tố sơ thủy, trung thực và nghèo nàn đã bị lưu đầy từ lâu rồi, thế là các nhà khoa học đầy tham vọng chạy đua để xác định xem ai là người sẽ thêm một nguyên tố nữa vào bầy chim non gồm 63 (hoặc hơn nữa) các chất nguyên thủy. Trong khi đó hóa học hiện đại bắt đầu giao chiến về thuật ngữ. Người ta từ

chối không cho chúng tôi có quyền gọi những chất này là “nguyên tố hóa học” vì chúng không phải là các “nguyên thể bản sơ hoặc các bản thể tự tại mà vũ trụ được tạo hình từ đó” [29]. Những ý tưởng như thế liên quan tới thuật ngữ *nguyên tố* là đủ dùng cho “triết lý Hi Lạp thời xưa” nhưng khoa học hiện đại lại bác bỏ chúng; đó là vì Giáo sư Cooke có nói rằng đây là những “thuật ngữ không hay ho” và khoa học thực nghiệm “chẳng dính dáng gì tới bất kỳ bản thể nào ngoại trừ những bản chất mà nó có thể tìm thấy, người thấy hoặc nếm thấy được”. Phải là những thứ mà người ta có thể nhìn tận mắt, người tận mũi hoặc nếm tận miệng cơ! Còn những thứ khác thì dành cho các nhà siêu hình học.

Do đó, khi Van Helmont bảo ta rằng: “Mặc dù một bộ phận đồng chất của trái đất bao gồm các nguyên tố có thể được khéo léo (nhân tạo) biến thành nước”; mặc dù ông vẫn còn chối bỏ rằng “chỉ có thiên nhiên mới làm được điều như thế thôi; vì không một tác nhân tự nhiên nào có thể chuyển hóa nguyên tố này thành nguyên tố khác”, lý do được nêu ra là vì các nguyên tố bao giờ cũng y nguyên như cũ, ta ắt phải tin rằng nếu ông không hoàn toàn dốt đặc cán mai thì ít ra ông cũng là một môn đồ chậm tiến của “triết học cổ Hi Lạp” lạc hậu. Vốn sống và chết mà rất sung sướng vì chẳng biết gì tới 63 *chất* trong tương lai thì liệu ông hoặc vị thầy cũ của ông là Paracelsus có thể thành tựu được điều gì? Cố nhiên là chẳng được điều gì ngoại trừ các suy đoán điên rồ mang *tính siêu hình* khoác lấy một loại tiếng lóng vô nghĩa vốn là tài sản chung của mọi nhà luyện kim đan thời xưa và thời trung cổ. Tuy nhiên khi đối chiếu các chú thích, ta thấy trong chú giải mới nhất về mọi tác phẩm hóa học hiện đại có chú thích sau đây: “Việc nghiên cứu hóa học đã tiết lộ một lớp đáng kể các chất mà một chất thứ nhì chẳng bao giờ có thể được tạo ra từ lớp chất kia qua bất kỳ quá trình hóa học nào nếu nó cân nhẹ hơn chất nguyên thủy . . . Từ sắt, ta không thể thu được một chất nào cân nhẹ hơn kim loại được dùng để chế tạo ra nó bằng bất kỳ quá trình hóa học nào. Tóm lại, từ sắt ta chỉ có thể *rút ra* chẳng chất gì khác hơn là sắt” [30]. Hơn nữa, theo Giáo sư Cooke thì “*cách đây 75 năm*, dường như người ta chẳng biết có sự khác nhau nào” giữa các nguyên chất và hợp chất, vì thời xưa các nhà luyện kim đan *chưa bao giờ quan niệm* thấy rằng *trọng lượng là số đo vật liệu* và khi được đo như thế thì vật liệu không bao giờ mất đi được; ngược lại họ tưởng tượng rằng trong những thí nghiệm [31] giống như các thí nghiệm này thì các chất liên quan vào đó phải trải qua một *sự biến hóa bí nhiệm* . . . Tóm lại, “người ta phỉ phàm mất nhiều thế kỷ uống công toan tính biến hóa các kim loại thường thành vàng”.

Phải chăng Giáo sư Cooke, vốn lồi lạc xiết bao về hóa học hiện đại, lại cũng am tường điều mà các nhà luyện kim đan có biết hoặc không biết? Liệu ông ta có hoàn toàn chắc chắn rằng mình hiểu được ý nghĩa những phát biểu của nhà luyện kim đan? Chúng tôi thì không. Nhưng chúng tôi xin đối chiếu quan điểm của ông được trình bày như trên (mặc dù các câu văn được viết bằng tiếng Anh xưa cũ nhưng nó vẫn rành mạch và đúng đắn) với bản dịch của Van Helmont và Paracelsus. Chúng tôi học biết được từ lời thú nhận của chính họ rằng chất alkahest cảm ứng ra những sự biến đổi sau đây:

“(1) Alkahest chẳng bao giờ tiêu diệt *bản tính* của các chất bị hòa tan trong đó: chẳng hạn do tác động của alkahest, vàng bị khử thành một *muối* vàng, antimony bị khử thành một *muối antimony* v.v. . . có cùng bản tính hoặc đặc tính như chất nguyên thủy. (2) *Đối tượng chịu tác động* của nó bị chuyển hóa thành ba nguyên thể (muối, lưu huỳnh và thủy ngân) sau đó biến thành chỉ là muối thôi để rồi dễ bốc hơi và về lâu về dài hoàn toàn biến thành nước trong. (3) Bất cứ thứ gì mà nó hòa tan đều có thể bị nhiệt của cát làm cho dễ bốc hơi; và nếu sau khi làm bốc hơi dung môi mà nó được chưng cất từ đó,

[29] Cooke: “Hóa học Mới”, trang 113.

[30] Như trên, trang 110-111

[31] Như trên, trang 106.

thì chất ấy chỉ còn là nước lã tinh khiết, nhưng có *số lượng luôn luôn tương đương với chất nguyên thủy*". Hơn nữa, ta thấy Van Helmont là bậc trưởng thượng có nói về chất muối này rằng nó sẽ hòa tan các chất khó chế biến nhất thành ra các chất có cùng bản tính và *"tương đương về trọng lượng với vật chất bị hòa tan"*, ông còn nói thêm rằng: "vì đã được nhiều lần chứng cho cô lại nên chất muối này nhờ có loại *muối lưu động* của Paracelsus đã mất đi mọi tính cố định của nó và về lâu về dài trở thành nước lã có *số lượng bằng với chất muối* mà nó được tạo thành từ đây" ^[32].

Giáo sư Cooke nhân danh khoa học hiện đại có thể phản đối cách diễn tả bí nhiệm này, nó cũng được áp dụng cho những văn bản bằng chữ thầy tu Ai cập: chúng che đậy điều mà người ta ngụ ý muốn giấu giếm. Nếu ông muốn lợi dụng công lao của quá khứ thì ông phải biết dùng kẻ giải mã chứ không phải kẻ châm biếm. Cũng giống như những người khác, Paracelsus vận dụng hết tài khéo của mình để chuyển vị các câu chữ và rút gọn các từ ngữ và câu văn. Chẳng hạn như khi ông viết *sutratatur* thì ông ngụ ý là cấu rượu, còn *mudrin* thì ngụ ý là chất hòa tiêu (nitrum), v.v. . . . Không biết bao giờ mới hết những điều mà người ta tự cho là giải thích ý nghĩa của chất alkahest. Một số người tưởng tượng đó là chất kiềm của muối, của cấu rượu đã được muối hóa; những người khác cho rằng nó ngụ ý là *algeist*, một từ tiếng Đức nghĩa là cốt rượu hoặc có chứa nhiều rượu. Paracelsus thường gọi muối là "trung tâm của nước mà kim loại phải chết trong đó". Điều này làm nảy sinh ra những giả định phi lý nhất và một số người – chẳng hạn như Glauber – nghĩ rằng alkahest là rượu của muối. Cũng chẳng cần phải kém táo bạo khi khẳng định rằng Paracelsus và các đồng nghiệp của ông không biết tới bản chất của các nguyên chất và hợp chất; người ta có thể không gọi chúng bằng những tên thực hành như hiện nay, nhưng người ta có biết tới chúng, bằng chứng là những kết quả mà người ta đạt được. Tên của chất khí được phóng thích khi sắt bị hòa tan trong axit sulfuric theo cách gọi của Paracelsus thì có gì là quan trọng vì ngay cả các người có thẩm quyền mẫu mực của ta cũng công nhận ông là người phát hiện ra *khí hydro*? ^[33]. Công lao của ông cũng thế thôi; và mặc dù Van Helmont có che giấu (dưới tên gọi bản tính) kiến thức của mình về sự kiện các nguyên chất có tính chất nguyên thủy, vốn chỉ tạm thời bị biến đổi khi gia nhập vào các hợp chất, chứ không bao giờ bị mất đi, song le ông vẫn là nhà hóa học vĩ đại nhất đương thời ngang hàng với các nhà hóa học hiện đại. Ông quả quyết rằng ta có thể dùng alkahest để thu *chất vàng uổng được* bằng cách biến trọn chất vàng thành muối mà vẫn giữ lại được bản tính của nó là hòa tan được trong nước. Khi các nhà hóa học học biết được ngụ ý của ông về *chất vàng uổng được*, alkahest, muối và bản tính – điều mà ông thật sự ngụ ý chứ không phải điều ông bảo rằng mình ngụ ý cũng như không phải do người ta nghĩ rằng ông ngụ ý – thì (và không thể trước lúc đó) các nhà hóa học mới có thể an toàn làm ra vẽ như vậy đối với các triết gia lửa và những bậc thầy thời xưa mà giáo huấn thần bí của họ đã được các nhà hóa học nghiên cứu kính cẩn. Dù sao đi nữa thì cũng có một điều rành mạch. Nếu chỉ xét theo hình thức ngoại môn thì ngôn từ của Van Helmont cho thấy rằng ông hiểu các chất kim loại có thể hòa tan trong nước, Sterry Hunt đã dùng nó làm cơ sở cho tuyệt trầm tích mang kim loại của mình. Chúng tôi muốn thấy các nhà hóa học đương đại đã sáng chế ra được cái loại thuật ngữ nào để che giấu mà vẫn tiết lộ nửa vơi được đề xuất táo bạo của mình theo đó con người "chỉ là chất tro trong bộ óc đối với Thượng Đế"; nếu trong cái hầm của căn nhà Tòa án mới hoặc nhà thờ chính ở Đại lộ số 5 mà có một phòng tra tấn để cho vị thẩm phán hoặc vị hồng y có thể tùy ý gửi họ tới đó.

[32] "Bàn về Bí quyết của các Cao đồ", Werdenfelt, Philalethes; Van Helmont; Paracelsus.

[33] Youmans tác phẩm "Hóa học", trang 169; và W. B. Kemshead, Hội viên Hội Hoàng gia tác phẩm "Hóa học Hữu cơ".

Ở một trong các bài thuyết trình ^[34], Giáo sư Sterry Hunt có nói rằng: “Các nhà luyện kim đan hoài công đi tìm một dung môi vạn năng, nhưng giờ đây chúng tôi biết rằng trong một vài trường hợp khi được trợ lực bằng nhiệt, áp suất và sự có mặt của một vài chất được phân phối rộng khắp chẳng hạn như acit carbonic, carbonat kiềm và sulfides, thì nước sẽ hòa tan được các chất khó hòa tan nhất; sao cho xét cho cùng thì ta có thể coi nó là chất alkahest tức dung môi vạn năng đã được mưu tìm từ lâu rồi”.

Điều này đọc lên nghe hầu như lời bàn tán rộng ra về Van Helmont hoặc chính Paracelsus! Họ cũng biết tính chất của nước là một dung môi chẳng khác nào các nhà hóa học hiện đại; hơn nữa họ chẳng che giấu gì sự kiện này; điều đó chứng tỏ rằng nước không phải là dung môi vạn năng của họ. Bây giờ vẫn còn nhiều lời bình luận và chỉ trích các tác phẩm của họ, và người ta khó lòng có thể tiếp thu một quyển sách bàn về đề tài này mà ít ra không tìm thấy một trong những điều suy đoán của họ về cái mà họ chẳng bao giờ nghĩ là sẽ gây ra điều bí nhiệm. Sau đây là điều ta tìm thấy trong một tác phẩm xưa bàn về các nhà luyện kim đan – hơn nữa còn mang tính châm biếm – được viết ra vào năm 1820, tức đầu thế kỷ này khi các thuyết mới về hiệu lực hóa học của nước hầu như mới ở tình trạng phôi thai.

“Cũng thật sáng tỏ chút ít khi ta nhận xét rằng Van Helmont cũng như Paracelsus đều coi nước là công cụ vạn năng (tác nhân?) của hóa học và vật lý học; còn đất được coi là cơ sở bất biến của vạn vật; lửa được qui cho là nguyên nhân đủ của vạn vật, các ấn tượng nguyên sơ được qui cho cơ cấu của đất, khi hòa tan và làm cho lên men bằng đất này cũng giống như khi dùng phương tiện lửa để làm như vậy thì nước ắt sinh ra vạn vật; từ đó mới bắt nguồn các giới động vật, thực vật và khoáng vật” ^[35].

Các nhà luyện kim đan hiểu rõ hiệu lực vạn năng của nước. Trong tác phẩm của Paracelsus, Van Helmont, Philalethes, Pantatem, Tachenius và ngay cả Boyle nữa, ta thấy có nêu rõ “đặc tính nổi bật của alkahest là hòa tan và biến đổi mọi chất hạ nguyệt tinh (sublunary bodies) chỉ ngoại trừ có nước thôi”. Và ta có thể tin rằng Van Helmont (tính tình riêng tư của ông không chê trách vào đâu được và mọi người đều công nhận rằng học thức của ông thật uyên bác) ắt phải long trọng tuyên bố rằng bản thân mình bị ám ảnh về điều bí mật, đó chẳng qua chỉ là một lối khoác lác rỗng tuếch! ^[36].

Trong một bài thuyết trình gần đây ở Nashville, Tennessee, Giáo sư Huxley có nêu ra một qui tắc nào đó xét về giá trị của sự chứng nhận của con người dùng làm cơ sở cho lịch sử và khoa học mà chúng tôi hoàn toàn sẵn sàng áp dụng cho trường hợp hiện nay. Ông bảo rằng: “Đời sống thực tiễn của người ta không thể ít nhiều chịu ảnh hưởng của những quan điểm mà chúng tôi có thể chấp nhận về phần những điều đã từng là lịch sử quá khứ của sự vật. Một trong những điều đó là *chứng nhận của con người* dưới nhiều dạng khác nhau – mọi chứng nhận của các nhân chứng tận mắt, chứng nhận của truyền thuyết được thốt ra bởi những kẻ đã tận mắt chứng kiến và chứng nhận của những người đã diễn tả cảm tưởng của mình ra thành giấy trắng mực đen . . . Nếu bạn đọc phần *Bình luận* của Cæsar trong đó ông tường trình về những trận đánh của mình với Gauls thì bạn phải ít nhiều tin tưởng vào những phát biểu của ông. Bạn phải chấp nhận sự chứng nhận của ông ấy về việc đó. *Bạn cảm thấy rằng Cæsar ắt đã không phát biểu như vậy nếu ông không tin rằng như thế là đúng*”.

Thế mà xét về mặt lý luận thì chúng ta không thể để cho qui tắc triết lý của ông Huxley được áp dụng một cách phổ biến cho Cæsar. Hoặc là nhân vật ấy tự nhiên trung thực hoặc là y tự nhiên dối trá; và vì ông Huxley đã giải quyết được vấn đề đó đến mức

^[34] “Nguồn gốc Trầm tích có chứa Kim loại”.

^[35] John Bumpus: “Khoa Luyện kim đan và chất Alkahest”, trang 85, J.S.F., ấn bản năm 1820.

^[36] Xem các tác phẩm của Boyle.

thỏa mãn cho bản thân xét về các sự kiện trong lịch sử quân sự có lợi cho mình, cho nên chúng tôi khẳng định cho rằng Cæsar cũng là một nhân chứng có thẩm quyền xét về mặt những người đoán điềm, những thầy bói toán và những sự kiện tâm lý khác. Herodotus và tất cả những người có thẩm quyền thời xưa khác đều cũng thế cả, trừ phi họ tự nhiên là những người trung thực thì ta không nên tin họ ngay cả về những vấn đề dân sự hay quân sự. *Nói láo được một chuyện thì cũng nói láo được đủ mọi chuyện.* Và cũng thế, nếu họ đáng tin cậy về những chuyện vật thể thì ta cũng phải coi như họ đáng tin cậy xét về những sự việc tâm linh; đó là vì Giáo sư Huxley cho ta biết rằng bản chất con người thì xưa nay đều thế cả. Những người có trí thức và lương tâm thì đâu có chịu nói láo để mua vui qua việc làm cho hậu thế phải bối rối hoặc ghê tởm.

Một nhà khoa học đã định nghĩa minh bạch như vậy về xác suất dối trá của những người như trên cho nên chúng tôi thấy cũng chẳng cần phải bàn luận về vấn đề tên tuổi của Van Helmont cũng như vị thầy trừ danh nhưng bất hạnh của ông tức Paracelsus bị nói xấu rất nhiều. Mặc dù thấy trong tác phẩm của Van Helmont có nhiều "ý tưởng hão huyền, thần thoại" – có lẽ chỉ vì không hiểu được – Deleuze, song le vẫn tin rằng ông có kiến thức quặng bác, "mức độ phán đoán sắc bén" và đồng thời đã ban cho thế giới "những sự thật vĩ đại". Deleuze nói thêm rằng: "Ông là người đầu tiên gọi một lưu chất ở dạng khí là chất *gas*. Nếu không có ông thì có lẽ thép ắt không tạo ra được một sức thôi thúc mới cho khoa học" ^[37]. Nếu áp dụng cái học thuyết về ngẫu nhiên thì liệu ta có thể phát hiện ra khả năng các nhà thực nghiệm (vốn có thể làm tan và tái tổ hợp các chất hóa học – người ta thừa nhận là họ đã làm được như vậy) mà không biết tới bản chất của các nguyên chất, các năng lượng hóa học, dung môi hoặc các dung môi làm cho chúng phân rã khi cần thiết hay sao? Nếu họ chỉ nổi tiếng là các nhà lý thuyết thì trường hợp này ắt khác đi rồi và lập luận của chúng tôi ắt thiếu đi sức mạnh, nhưng ngay cả những kẻ thù tồi tệ nhất của họ cũng phải miễn cưỡng công nhận các khám phá hóa học của họ; điều này tạo thành một cơ sở có đủ sức mạnh ngôn ngữ hơn cả mức chúng tôi được phép vì chúng tôi e rằng mình sẽ bị coi là quá thiên vị. Và hơn nữa, vì tác phẩm này vốn dựa vào ý tưởng con người có một bản chất cao thượng khiến cho ta phải phán xét năng lực trí tuệ và đạo đức của y theo *tâm lý học*, cho nên chúng tôi cũng chẳng ngần ngại gì mà không tái khẳng định rằng bởi vì Van Helmont có "long trọng" quả quyết rằng mình vốn bị ám ảnh bởi bí mật về alkahest cho nên không một nhà phê bình hiện đại nào có quyền gán cho ông hoặc là một kẻ nói dối hoặc là một kẻ mơ mộng chừng nào người ta còn chưa biết chắc chắn hơn về bản chất của cái gọi là *dung môi vạn năng* ấy.

Trong lời nói đầu của tác phẩm *Các Phép lạ và Thần linh học Hiện đại*, ông A. R. Wallace có nhận xét rằng "Các sự kiện là những điều bướng bỉnh". Vì vậy ^[38] do các sự kiện phải là đồng minh sát cánh với mình nhất, cho nên chúng tôi xin trình bày tối đa các "phép lạ" thời xưa cũng như các phép lạ thời nay mà mình được cung cấp. Các tác giả của quyển *Vũ trụ Vô hình* đã dùng *khoa học* chứng minh được khả năng một vài hiện tượng được coi là tâm lý diễn ra qua trung gian của chất ether vũ trụ. Ông Wallace cũng đã dùng *khoa học* chứng minh rằng trọn cả danh mục những điều giả định ngược lại (kể cả những điều nguy biện của Hume) đều vô căn cứ nếu phải được kiểm chứng giáp mặt với phép lý luận nghiêm ngặt. Ông Crookes đã trình bày cho thế giới đa nghi những thí nghiệm của riêng mình vốn đã kéo dài hơn ba năm trước khi ông bị chinh phục bởi bằng chứng không thể chối cãi được là bằng chứng của những giác quan của chính mình. Ta có thể lập nên trọn cả một danh sách những nhà khoa học đăng ký chứng nhận cho nội

^[37] Deleuze: "Bàn về ý kiến của Van Helmont đối với Nguyên nhân, Bản chất và các HIệu ứng của Từ khí Động vật", quyển i, trang 45 và quyển ii, trang 198.

^[38] A. R. Wallace: "Đáp lại những Lập luận của Hume, Lecky v.v. . . chống đối lại các Phép lạ".

dung ấy; và Camille Flammarion (nhà thiên văn học nổi tiếng người Pháp, tác giả của nhiều tác phẩm mà theo quan điểm của kẻ đa nghi ắt xếp ông vào hàng ngũ kẻ điên rồ cùng với Wallace, Crookes và Hare) cũng bổ chứng cho lời lẽ của chúng tôi qua những dòng sau đây:

“Tôi không do dự gì mà khẳng định niềm tin chắc của mình dựa vào việc cá nhân tôi đã khảo sát đề tài này theo đó bất kỳ nhà khoa học nào tuyên bố rằng không thể có các hiện tượng tên là “từ khí”, “mộng du”, “đồng cốt” và những hiện tượng khác mà khoa học chưa giải thích được thì đó ắt nói mà chẳng biết mình đang nói gì; cũng vậy, bất cứ người nào do thiên hướng nghề nghiệp mà có thói quen quan sát theo khoa học – miễn là tâm trí y không bị thiên kiến bởi những ý kiến đã được quan niệm trước, tầm nhìn của tâm trí y không bị mù lòa vì các loại ảo tưởng đối nghịch; bất hạnh thay lại quá thường xảy ra trong thế giới các nhà bác học (cái ảo tưởng này cốt ở việc *tưởng tượng rằng chúng ta đã biết hết mọi định luật trong Thiên nhiên rồi* và không thể nào có được mọi chuyện dường như vi phạm giới hạn của các công thức hiện nay của ta) thì người đó có thể đòi hỏi một sự chắc chắn tuyệt đối và triệt để về tính thực tại của những sự kiện mà chúng tôi viện dẫn”.

Trong tác phẩm *Chú giải về một cuộc Điều tra đối với Hiện tượng lạ tên là Tâm linh* của ông Crookes trang 101, nhà quý tộc này có trích dẫn ông Sergeant Cox, ông này đã gọi tên lực chưa ai biết đó là lực *thông linh* và giải thích nó như sau: “Vì cơ thể bàn thân nó di chuyển và bị điều động bên trong do một lực – hoặc là chịu hoặc là không chịu sự kiểm soát của – linh hồn, tinh thần hoặc tâm trí . . . vốn cấu thành cá thể mà chúng ta gọi là ‘con người’, cho nên kết luận cũng hợp lý thôi khi ta cho rằng lực gây ra các chuyển động vượt ngoài các giới hạn của cơ thể *thì cũng chính là lực tạo ra chuyển động bên trong các giới hạn của cơ thể*. Và vì ngoại lực thường được trí thông minh điều khiển cho nên kết luận cũng hợp lý thôi khi cho rằng trí thông minh điều khiển ngoại lực cũng chính là trí thông minh điều khiển nội lực”.

Để hiểu được thuyết này tường tận hơn, chúng tôi có thể chia nó ra thành bốn đề xuất để cho thấy ông Sergeant Cox tin tưởng rằng:

- 1- Cái lực tạo ra các hiện tượng lạ trên cõi trần xuất phát từ (và do đó sản sinh ra nơi) người đồng cốt.
- 2- Cái sinh vật thông linh điều khiển lực để tạo ra hiện tượng lạ (a) đôi khi *có thể* khác hơn trí thông minh của người đồng cốt, nhưng “không đủ bằng chứng” về việc này; cho nên (b) cái trí thông minh điều khiển ấy có lẽ là trí thông minh của chính người đồng cốt. Ông Cox gọi điều này là “một kết luận hợp lý”.
- 3- Ông giả sử rằng lực làm di chuyển cái bàn đồng nhất với lực làm di chuyển chính thân thể người đồng cốt.
- 4- Ông mạnh mẽ tranh cãi với thuyết thần linh học hoặc nói cho đúng hơn thì tranh cãi với lời quả quyết rằng “vong linh của người chết là tác nhân *duy nhất để tạo ra mọi hiện tượng lạ*”.

Trước khi chúng tôi công tâm tiến hành phân tích những quan niệm như thế thì chúng tôi phải nhắc cho bạn đọc nhớ rằng chúng tôi thấy mình bị lâm vào thế trên đe dưới búa giữa hai đối cực do hai phe đối diện: một phe thì tin còn một phe thì không tin vào vong hồn con người. Không phe nào dường như có thể quyết định được vấn đề do ông Cox nêu ra; đó là vì trong khi các nhà thần linh học vốn ăn tạp đến nỗi cả tin rằng mọi âm thanh và chuyển động trong *giới lên đồng* đều do những người *đã thoát xác* gây ra, thì những kẻ đối lập với họ lại chối bỏ một cách đầy giáo điều rằng không thể có bất cứ điều gì do các “vong linh” gây ra bởi vì có vong linh đâu mà nói chuyện. Vì thế cho nên chẳng có phe nào ở vào vị thế vô tư để xem xét đề tài này mà không thiên vị.

Nếu họ xét thấy rằng “lực tạo ra chuyển động bên trong cơ thể” và “lực gây ra chuyển động vượt ngoài giới hạn của cơ thể” có cùng bản chất thì họ có thể đúng. Nhưng sự đồng nhất của hai lực này chỉ dừng lại nơi đây. Nguyên sinh khí vốn làm linh hoạt cơ thể của ông Cox có cùng bản chất với nguyên sinh khí của người đồng cốt; tuy nhiên ông không phải là người đồng cốt và người đồng cốt cũng không phải là ông Cox.

Lực này (để làm vừa lòng ông Cox và ông Crookes chúng tôi có thể gọi nó là lực *thông linh* như bất kỳ lực nào khác) xuất phát *thông qua* chứ không phải *từ* người đồng cốt cá thể. Trong trường hợp nó xuất phát từ người đồng cốt thì lực này ắt được sản sinh ra nơi bản thân người đồng cốt và chúng tôi sẵn sàng chứng tỏ rằng nó không thể như thế được; nó cũng không thể như vậy trong trường hợp kinh thân của cơ thể con người, làm chuyển vận đồ đặc hoặc những sự vật khác mà không chạm vào nó cũng như trong các trường hợp mà lực này tỏ ra có lý trí và có trí thông minh. Có một sự kiện nổi tiếng cho cả giới đồng cốt lẫn giới thần linh học đó là việc người đồng cốt càng thụ động thì các màn trình diễn càng tốt hơn; và mỗi một trong những hiện tượng nêu trên đều cần có một *ý chí* tiền định *hữu thức*. Trong trường hợp kinh thân, ta phải tin rằng lực tự sinh sản ra này ắt nâng được khối vật chất trở bốc lên khỏi mặt đất, điều khiển nó đi qua không khí và lại hạ thấp nó xuống, tránh các chướng ngại vật và do đó tỏ ra có trí thông minh, nó vẫn còn tác động một cách tự động trong khi lúc nào người đồng cốt cũng vẫn cứ *thụ động*. Nếu quả thật sự việc là như thế thì người đồng cốt ắt là một pháp sư hữu thức và mọi sự giả vờ là một công cụ thụ động trong tay các sinh linh thông tuệ vô hình ắt trở nên là vô dụng. Người ta cũng biện hộ rằng một lượng hơi nước đủ để lấp đầy mà không phá vỡ một nồi xúp de ắt nâng được cái nồi lên; hoặc một bình Leyden chứa đầy điện ắt khắc phục được quán tính của bình vì đó là một điều phi lý về cơ học. Mọi sự tương tự dường như biểu thị rằng lực thao tác khi có một người đồng cốt tác động lên ngoại vật vốn xuất phát từ một nguồn gốc ở tận nơi người đồng cốt. Chúng tôi có thể so sánh nó đúng hơn là với khí hydro vốn khắc phục được quán tính của khí cầu. Do sự kiểm soát của một sinh linh thông tuệ, chất khí được tích lũy nơi bình chứa với dung lượng đủ để khắc phục được lực hút của khối lượng tổ hợp. Cũng nhờ nguyên lý này, lực làm di chuyển được các đồ đặc và thực hiện những pha trình diễn khác; mặc dù có bản chất đồng nhất với anh hồn của người đồng cốt, nhưng nó không là anh hồn của y thôi vì người đồng cốt lúc nào cũng vẫn ở trạng thái đờ đẫn cứng đờ khi thuật đồng cốt là chân thực. Do đó luận điểm đầu tiên của ông Cox dường như là không đúng; nó vốn dựa vào một giả thuyết thiếu cơ sở về mặt cơ học. Dĩ nhiên lập luận của ta bắt nguồn từ việc giả sử rằng thuật kinh thân là một sự kiện đã được quan sát. Để cho được hoàn hảo thì thuyết về lực thông linh phải giải thích được mọi “chuyển động hữu tình nơi các vật chất rắn chắc”, trong số đó có thuật kinh thân.

Còn về phần luận điểm thứ hai, chúng tôi xin chối bỏ rằng “không có đủ bằng chứng” theo đó lực tạo ra hiện tượng lạ đôi khi được điều động bởi các trí thông tuệ khác hơn tâm trí của nhà “thông linh”. Ngược lại có nhiều bằng chứng cho thấy rằng trong đa số trường hợp tâm trí của người đồng cốt chẳng dính dáng gì tới hiện tượng lạ, cho nên chúng ta không thể bằng lòng để yên cho lời quả quyết táo bạo của ông Cox chẳng bị ai thách thức.

Chúng tôi cũng thấy luận điểm thứ ba của ông cũng thật là phi lý, đó là vì nếu cơ thể của người đồng cốt không phải là máy phát lực mà chỉ là kênh dẫn lực tạo ra hiện tượng lạ - một vấn đề mà khảo cứu của ông Cox chẳng soi sáng gì được cả - thế thì không được suy ra rằng bởi vì “linh hồn, tinh thần hoặc tâm trí” này sẽ nhắc bóng cái ghế lên hoặc gõ nhẹ theo yêu cầu của bảng chữ cái.

Còn về phần luận điểm thứ tư, nghĩa là “vong hồn của người chết là tác nhân duy nhất tạo ra mọi hiện tượng lạ”, hiện nay chúng tôi không cần tranh luận về bản chất của các vong hồn tạo ra những pha trình diễn đồng cốt đã được bàn luận dông dài trong những chương khác.

Các triết gia nhất là những người được khai tâm vào các Bí pháp đã chủ trương rằng anh hồn là song trùng thể vô hình của hình tướng ngoại giới thô trước mà ta gọi là xác phàm. Đó chính là *anh linh* của môn đồ Kardec và *hình tướng tâm linh* của các nhà thần linh học. Tinh thần thiêng liêng lớn vốn bên trên song trùng thể nội giới này và soi sáng cho nó giống như tia nắng ấm áp của mặt trời soi sáng cho trái đất, làm đơm hoa kết trái mầm mống của nó và khơi hoạt phần tâm linh của những phẩm chất ẩn tàng đang yên ngủ nơi nó. *Anh linh* được chứa đựng và hạn chế bên trong xác phàm cũng như chất ether trong một cái chai hoặc từ khí trong sắt bị từ hóa. Đó là một trung tâm lực và một nguyên động lực được cấp dưỡng do vũ trụ cung cấp lực và cũng chuyển động theo những định luật tổng quát vốn thấm nhuần trọn cả thiên nhiên và tạo ra mọi hiện tượng trong vũ trụ. Hoạt động nội tại của nó gây ra những thao tác thể chất không ngừng của cơ thể đầy thú tính và cuối cùng kết quả là nó gây hủy diệt cho cơ thể vì đã lạm dụng cơ thể để rồi chính nó mới thoát ra được. Nó chính là kẻ tù nhân chứ không phải là người tự nguyện thuê mướn cơ thể. Nó có một hấp lực rất mạnh đối với vũ trụ lực ở bên ngoài đến nỗi mà sau khi lớp vỏ giam hãm nó bị mòn mỏi thì cuối cùng nó bèn thoát ra khỏi lớp vỏ giam hãm. Cơ thể giam hãm nó càng khỏe mạnh, thô trước và nhiều vật chất thì kỳ hạn giam cầm của nó càng lâu hơn. Một số người sinh ra đã có một tổ chức ngoại lệ đến nỗi cánh cửa vốn đóng kín mọi người khác không cho giao tiếp với thế giới của ánh sáng tinh tú thì lại dễ dàng được mở then cửa và linh hồn của họ có thể nhìn vào hoặc thậm chí nhập vào trong thế giới ánh sáng tinh tú rồi từ đó quay trở lại. Những người làm được như vậy một cách hữu thức và tùy ý thì được gọi là pháp sư, đạo trưởng, nhà thấu thị, cao đồ; những người được luồng lưu chất của nhà thôi miên mesmer hoặc của các “vong linh” khiến cho làm được như vậy thì đó là những “người đồng cốt”. Một khi các hàng rào ngăn cách đã được khai mở rồi thì anh hồn bị nam châm tinh tú của vũ trụ thu hút mạnh mẽ đến nỗi đôi khi nó nhấc bổng cả cái xác giam hãm nó lên, giữ cái xác treo lơ lửng ở giữa không trung cho tới khi lực trọng trường của vật chất tái khẳng định được ưu thế của mình thì cái xác mới lại rớt xuống trái đất.

Mọi pha trình diễn nơi ngoại giới cho dù là chuyển động của một tay chân sống động hoặc chuyển động của một vật thể vô cơ nào đó đều đòi hỏi có hai điều kiện: ý chí và thần lực cộng với *vật chất* tức là điều khiến cho vật thể bị di chuyển ngay sờ sờ trước mắt ta và cả ba thứ này đều là các lực chuyển hóa được lẫn nhau tức là tương quan lực của các nhà khoa học. Đến lượt chúng lại bị điều khiển hoặc đúng hơn là được hộ trì bởi trí tuệ thiêng liêng mà các nhà khoa học cổ tình không đếm xỉa tới, nhưng nếu không có trí tuệ thiêng liêng thì ngay cả việc con giun nhỏ nhất bò trườn cũng không thể xảy ra được. Hiện tượng thiên nhiên đơn giản nhất cũng như thông thường nhất – tiếng xào xạc của đám lá run rẩy do tiếp xúc nhẹ nhàng với làn gió hiu hiu – cũng cần phải thường xuyên vận dụng các năng lực này. Các nhà khoa học có thể gọi chúng là những định luật vũ trụ bất di bất dịch và bất biến. Đằng sau những định luật này ta phải tìm thấy một nguyên nhân thông minh vốn đã từng sáng tạo ra và phát khởi những định luật này, đã truyền vào cho chúng bản thể tâm thức của chính mình. Cho dù ta gọi điều này là nguyên nhân sơ khởi, ý chí vũ trụ hay Thượng Đế thì nó cũng phải luôn luôn có trí thông minh.

Bây giờ ta mới thắc mắc làm thế nào mà một ý chí đồng thời lại tự biểu lộ ra được vừa thông minh vừa vô ý thức? Thật khó lòng nếu chẳng phải là không thể quan niệm

được trí năng mà không có ý thức. Nhưng ta dùng từ tâm thức không nhất thiết phải hàm ý là ý thức của xác phàm. *Tâm thức là một phẩm chất của nguyên thể hữu tình hoặc nói cách khác là của linh hồn; linh hồn thường phô trương hoạt động ngay cả khi xác phàm đang thiu thiu ngủ hoặc bị tê liệt.* Khi chúng ta nhắc cánh tay lên một cách máy móc thì ta có thể tưởng tượng rằng mình làm như vậy một cách vô ý thức vì các giác quan hơi hợt của ta không thể thẩm định được thời khoảng giữa lúc bày tỏ một chủ đích và lúc thực thi chủ đích ấy. Cho dù có vẻ tiềm tàng đối với ta thì ý chí đầy cảnh giác vẫn triển khai lực và phát động vật chất của ta. Không có điều nào về bản chất của những hiện tượng đồng cốt tầm thường nhất mà lại khiến cho thuyết của ông Cox đúng lý được. Nếu trí thông minh được biểu lộ bởi lực này không chứng tỏ được rằng nó thuộc về một vong linh đã thoát xác thì nó lại càng không chứng tỏ được đó là do người đồng cốt phóng phát ra một cách vô ý thức; bản thân ông Crookes có kể cho ta những trường hợp mà trí thông minh không thể xuất phát từ bất cứ người nào có mặt trong phòng; chẳng hạn như trong trường hợp từ ngữ "tuy nhiên" mà ngón tay của ông cẳng đáng thậm chí chính ông cũng chẳng biết nữa, thế mà cơ bút lại viết chính xác ^[39]. Ta tuyệt nhiên không thể giải thích được về trường hợp này; giả thuyết duy nhất có cơ sở - nếu ta loại trừ tác nhân của quyền năng vong linh - đó là các năng lực thần nhãn đã được vận dụng. Nhưng các nhà khoa học lại chối bỏ thần nhãn và nếu để né tránh cái phương án không đáng hoan nghênh là phải gán cho hiện tượng lạ một nguồn gốc tâm linh khiến cho bắt buộc phải chấp nhận sự kiện thần nhãn thì họ có phần chịu trách nhiệm hoặc là phải chấp nhận lời giải thích trong kinh Kabala xem năng lực này có nghĩa là gì, hoặc là hoàn thành nhiệm vụ cho đến nay bất khả thi là tạo ra một thuyết mới thích hợp các sự kiện.

Lại nữa, nếu để hỗ trợ cho lập luận ta phải thừa nhận rằng từ ngữ "tuy nhiên" của ông Crookes có thể đọc thấy bằng thần nhãn thì liệu ta phải bảo sao về việc người đồng cốt có những lời giao tiếp mang tính cách tiên tri? Liệu có bất kỳ thuyết nào về xung lực đồng cốt mà lại giải thích được khả năng tiên tri các biến cố vượt ngoài tầm hiểu biết khả hữu của cả người nói lẫn người nghe hay chẳng? Một lần nữa ông Cox lại thử rần thực hiện.

Như ta có nói trước kia, lực thông linh hiện đại cũng như lưu chất sấm truyền của thời xưa cho dù thuộc trái đất hoặc tinh đầu đều có bản thể đồng nhất vì chỉ là một lực mù quáng. Không khí cũng như vậy. Và trong khi có một cuộc đối thoại tạo ra những sóng âm do lời nói chuyện của những người đàm đạo ảnh hưởng tới cùng một khối không khí, thì điều đó không hàm ý có bất kỳ nghi ngờ gì về sự kiện có hai người đang nói chuyện với nhau. Vậy phải chăng cũng hợp lý thôi khi bảo rằng có một tác nhân chung được người đồng cốt và "vong linh" dùng để giao tiếp với nhau thì tất nhiên phải có một trí thông minh duy nhất được phô diễn ra? Cũng như không khí cần thiết cho việc trao đổi lẫn nhau các âm thanh nghe thấy được, cũng vậy cần có một vài dòng ánh sáng tinh tú (tức chất ether được một *Thực thể Thông minh* điều động) thì mới tạo ra được những hiện tượng mà ta gọi là tâm linh. Nếu ta đặt hai người đang nói chuyện vào cái bình chứa đã bị hút kiệt hơi bằng một bơm chân không và nếu họ có thể sống được trong đó thì lời lẽ của họ vẫn chỉ là tư tưởng không phát âm ra được vì không có không khí rung động, cho nên không có một làn sóng âm thanh nào đạt tới tai họ được. Nếu ta đặt một người đồng cốt nhiều khả năng nhất vào một bầu hào quang cô lập mà một nhà thôi miên mesmer nhiều quyền năng quen thuộc với các tính chất pháp môn pháp thuật có thể tạo ra được xung quanh y, thì không một màn trình diễn nào xảy ra được cho tới khi một trí thông minh đối lập nào đó có nhiều tiềm năng hơn quyền năng ý chí của nhà thôi miên

[39] Crookes: "Các Khảo cứu, v.v.", trang 96.

Mesmer, thẳng lướt được nhà thôi miên này để kết liễu cái màn trì trệ của ánh sáng tinh tú ấy.

Cổ nhân không hề ngỡ khi phải phân biệt giữa một lực mù quáng tác động một cách tự phát và cũng lực ấy khi bị điều khiển bởi một trí thông minh.

Khi nói về những hơi nước sấm truyền vốn chẳng qua chỉ là chất khí dưới đất thấm đẫm những từ tính gây độc, Plutarch (lễ sư của thần Apollo) cho thấy bản chất của nó là lưỡng tính khi ông nói tới nó bằng những lời sau đây: "Và người là ai vậy? Nếu không có một vị Thượng Đế sáng tạo và làm cho người trưởng thành; nếu không có chơn linh thừa lệnh Thượng Đế điều khiển và chi phối người thì người chẳng làm được điều gì, người *chẳng là cái gì* ngoại trừ là một thần khí rỗng tuếch" ^[40]. Như vậy nếu không có linh hồn hoặc trí thông tuệ ngự bên trong thì "Lực Thông Linh" chẳng qua cũng chỉ là một "thần khí rỗng tuếch".

Aristotle quả quyết rằng chất khí này, tức bức xạ tinh anh này thoát ra từ bên trong trái đất là nguyên nhân duy nhất *đầy đủ*, tác động từ bên trong ra bên ngoài làm linh hoạt mọi sinh vật, mọi cây cối trên vỏ quả đất ở bên ngoài. Đáp lời những kẻ phủ định đa nghi vào thể kỷ của mình, Cicero xúc động với một cơn giận dữ đúng mức đã kêu lên: "Còn cái gì linh thiêng hơn những sự phóng phát của trái đất vốn ảnh hưởng tới hồn người đến mức khiến cho nó tiên đoán được tương lai? Và liệu bàn tay của thời gian có làm bốc hơi được một phẩm tính như thế chẳng? Liệu bạn có thể giả sử rằng mình đang nói tới một loại rượu vang hoặc thịt muối chẳng?" ^[41] Phải chẳng các nhà thực nghiệm thời nay tự cho mình không ngoan hơn Cicero và bảo rằng cái lực vĩnh hằng này đã bốc hơi và các suối nguồn tiên tri đã khô kiệt?

Nghe nói mọi nhà tiên tri thời xưa – những nhà thông linh được linh thiêng - đều thốt ra những lời tiên tri trong tình huống giống như thế hoặc là do luồng lưu xuất trực tiếp của loại bức xạ tinh anh hoặc do một luồng ẩm ướt bốc lên từ trái đất. Chính loại vật chất tinh vi này được dùng làm một lớp vỏ tạm thời cho các linh hồn hóa thân trong ánh sáng ấy. Cornelius Agrippa diễn tả cũng quan điểm ấy về bản chất của những con ma này bằng cách mô tả nó là hơi ẩm hoặc hơi ướt: "*Các vong linh vùng vẫy trong HOI ẨM*" ^[42].

Các lời tiên tri được nêu ra theo hai cách: một cách hữu thức do các pháp sư có thể nhìn được vào ánh sáng tinh tú; và một cách vô ý thức do những người tác động chịu ảnh hưởng của cái gọi là sự linh hứng. Các nhà tiên tri trong Thánh kinh và những người hiện đại nói trong lúc xuất thần đều thuộc về loại tiên tri vô ý thức. Plato quen thuộc với sự kiện này đến nỗi ông nói về những nhà tiên tri ấy như sau: "Không một người nào khi còn đang sử dụng các giác quan mà lại đạt được sự thật và sự linh hứng tiên tri. . . Họ chỉ đạt được khi bị mất trí do mất bình tĩnh hoặc bị ám ảnh bởi một vong linh" ^[43]. Ông còn nói thêm: "Một số người tự xưng là nhà tiên tri nhưng họ đâu có biết rằng mình chỉ là những *kẻ lập lại*. . . không đáng được gọi là nhà tiên tri gì hết mà chỉ *truyền thụ* các hình ảnh và lời tiên tri".

Khi nối tiếp lập luận của mình, ông Cox có nói: "Các nhà thần linh học nhiệt thành nhất hầu như đều thừa nhận sự tồn tại của lực thông linh mà họ gọi bằng một tên rất không thỏa đáng là từ khí (nó chẳng có ái lực gì hết với bất cứ cái gì), vì họ quả quyết

[40] Lucian: "Pharsalia", quyển v.

[41] "Bàn về sự Bói toán", quyển i, chương 3.

[42] "Bàn về Triết lý Huyền bí", trang 355.

[43] Plato: "Timæus", quyển ii, trang 563.

rằng vong hồn của người chết chỉ có thể thực hiện những hành vi mà người ta gán cho họ bằng cách sử dụng từ khí (nghĩa là lực thông linh) của người đồng cốt”^[44].

Ở đây lại có một sự hiểu lầm do hậu quả của việc áp dụng những tên gọi khác nhau cho điều có thể tỏ ra là cùng một phức hợp thể duy nhất không cân đong đo đếm được. Bởi vì điện chưa trở thành một khoa học mãi cho tới thế kỷ 18, nên giả định chẳng ai bảo rằng lực này không tồn tại từ khi có sự sáng tạo; hơn nữa chúng ta đã được chuẩn bị sẵn để chứng tỏ rằng ngay cả người Hebrew thời xưa cũng đã quen thuộc với điện. Nhưng chỉ bởi vì khoa học chính xác chưa hề tồn tại trước năm 1819 khi bất ngờ phát hiện ra được bằng chứng về mối quan hệ mật thiết giữa điện và từ thì điều đó tuyệt nhiên đâu có ngăn cản việc hai tác nhân này là đồng nhất với nhau. Nếu ta có thể phú cho một thanh sắt có cái từ tính bằng cách cho một dòng điện một chiều chạy qua một dây dẫn điện đặt ở gần thanh sắt theo một cách thức nào đó thì tại sao lại không tạm thời chấp nhận một lý thuyết theo đó người đồng cốt cũng có thể là một *dây dẫn điện* chứ chẳng có gì khác nữa trong một buổi lên đồng? Liệu có phần khoa học hay chẳng khi bảo rằng trí thông tuệ của “lực thông linh” khi rút các dòng điện ra từ các làn sóng của ether đã sử dụng người đồng làm một dây dẫn điện, phát triển và phát động từ tính tiềm tàng vốn làm bảo hòa hào quang của phòng lên đồng để tạo ra những hiệu ứng như mong muốn? Từ ngữ *từ khí* cũng thỏa đáng như bất kỳ từ ngữ nào khác chừng nào khoa học còn chưa cung cấp cho ta một điều gì đó hơn mức chỉ là một tác nhân theo giả thuyết được phú cho những tính chất mang tính phỏng đoán.

Sergeant Cox có nói rằng: “Sự khác nhau giữa những kẻ ủng hộ lực thông linh và các nhà thần linh học cốt ở việc chúng tôi tranh cãi rằng cho đến nay chưa đủ bằng chứng là có bất kỳ tác nhân điều khiển nào khác so với trí thông linh của người đồng cốt và tuyệt nhiên *không có bằng chứng* về tác nhân ‘vong hồn’ của người chết”^[45].

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông Cox về việc thiếu bằng chứng tác nhân là vong hồn của người chết; còn về những gì còn lại, đó là một suy diễn rất khác thường từ “vô số sự kiện” mà theo chính tôi diễn tả của ông Crookes có nhận xét thêm nữa như sau: “Khi đọc lại những chú thích của mình, tôi thấy có quá nhiều bằng chứng, một đồng chứng có áp đảo đến mức tôi có thể lấp đầy được nhiều số báo của tờ tạp chí *Tam cá nguyệt*”^[46].

Thế mà một số sự kiện với “bằng chứng áp đảo” là như sau: (1) Chuyển động của những vật thể nặng nề mà tay người có tiếp xúc nhưng không tạo ra ứng lực cơ học. (2) Hiện tượng âm thanh gõ và các âm thanh khác. (3) Sự thay đổi trọng lượng của các vật thể. (4) Chuyển động của các chất nặng nề *khi ở cách xa người đồng cốt*. (5) Bàn ghế bật lên khỏi mặt đất mà *không thấy bất cứ người nào chạm vào*. (6) SỰ KHINH THÂN CỦA CON NGƯỜI^[47]. (7) Xuất hiện những “vật thể chói sáng”. Ông Crookes có nói:

^[44] Crookes: “Các Khảo cứu, v.v. . .,” trang 101.

^[45] Như trên, trang 101.

^[46] Crookes: “Các Khảo cứu, v.v. ” trang 83.

^[47] Năm 1854, ông Foucault, một y sĩ lỗi lạc và là thành viên của Bác học viện Pháp, một trong những địch thủ của De Gasparin, bác bỏ khả năng chỉ có thể có những pha trình diễn như thế đã viết những lời đáng ghi nhớ sau đây: “Vào cái ngày mà tôi thành công trong việc di chuyển một cọng rơm chỉ theo tác động ý chí của mình tôi, thì tôi ắt cảm thấy khiếp đảm”. Lời lẽ này báo điềm xấu. Vào khoảng cũng năm đó, nhà thiên văn học Babinet lập lại trong bài viết của ông đăng trên ‘Tạp chí Hai Thế giới’ câu sau đây được nhắc lại cho đến khi hết sức: “Sự khinh thân của một vật thể *không ai đụng tới không thể có được* chẳng khác nào chuyển động vĩnh cửu, vì vào cái ngày mà người ta thực hiện được điều đó thì thế giới ắt sẽ đổ nhào”. May mắn thay cho đến nay ta chẳng thấy có dấu hiệu nào về một thảm họa như thế; song le các vật thể vẫn được khinh thân.

“Trong những tình huống nghiêm ngặt nhất, tôi đã thấy một vật thể rắn chắc tự chói sáng, kích thước nó và hình dạng gần giống như quả trứng của con gà tây trôi nổi không một tiếng động vòng vòng quanh căn phòng, có lúc cao hơn mức người ta đứng kiểng chân cũng không với tới được, thế rồi lại nhẹ nhàng đáp xuống sàn nhà. Người ta nhìn thấy nó trong vòng hơn 10 phút và trước khi mờ đi rồi biến mất, nó đập vào cái bàn 3 lần với một âm thanh giống như của một vật thể rắn chắc”^[48]. (Chúng tôi phải suy diễn rằng quả trứng này có bản chất giống như một con mèo thiên thạch của ông Babinet vốn đã được phân loại cùng với các hiện tượng lạ khác trong thiên nhiên nơi tác phẩm của ông Arago). (8) Sự xuất hiện của những bàn tay hoặc là tự nó sáng chói hoặc là nhìn thấy được dưới ánh sáng thông thường. (9) “Cơ bút” do cũng những bàn tay sáng chói ấy mà không có hoặc rõ rệt là có trí thông minh. (Lực thông linh?) (10) Những “hình dáng ma và những khuôn mặt ma”. Trong trường hợp này lực thông linh xuất phát “từ góc phòng” dưới dạng “hình dáng ma”, cầm trên tay một cái phong cầm rồi vừa lướt nhẹ xung quanh phòng vừa chơi phong cầm; vào lúc đó người ta vẫn thấy rõ người đồng cốt Home^[49]. Toàn thể những điều nêu trên đều được ông Crookes chứng kiến và trải nghiệm ở chính nhà mình, sau khi đã bảo đảm về tính chân thực xét theo khoa học của hiện tượng lạ ấy, ông có báo cáo cho Hội Hoàng gia. Liệu ông có được hoan nghênh là người phát hiện ra những hiện tượng trong thiên nhiên có tính cách mới mẻ và quan trọng hay chăng? Xin độc giả hãy tham khảo tác phẩm của ông thì sẽ rõ phần trả lời.

Ngoài những cơn thất thường này mà “lực thông linh” đùa giỡn với sự cả tin của con người, ông Crookes còn trình bày một lớp hiện tượng lạ khác mà ông gọi là các “trường hợp đặc biệt” *dường như* (?) nêu ra tác nhân là một sinh linh thông tuệ ở bên ngoài^[50].

Ông Crookes có nói: “Tôi đã ở bên cạnh cô Fox khi cô đang tự động viết một thông điệp cho một người đang có mặt; trong lúc đó một thông điệp khác cho người khác về một đề tài khác lại được trình bày theo bảng chữ cái nhờ vào những ‘tiếng gõ nhẹ’, còn trong suốt thời gian đó thì cô lại thoải mái chuyện trò với một người thứ ba về một đề tài khác hẳn hai đề tài trên. . . Trong một buổi lên đồng với ông Home, một cái nan gỗ nhỏ di chuyển bằng ngang qua bàn hướng về tôi trong ánh sáng thanh thiên bạch nhật và truyền đạt một thông điệp cho tôi bằng cách gõ nhẹ vào bàn tay tôi; tôi đưa bảng chữ cái ra thì nan gỗ gõ nhẹ đúng vào chữ cái . . . trong khi đang ở cách xa bàn tay của ông Home”. Theo yêu cầu của ông Crookes, cũng cái nan gỗ ấy cung cấp cho ông “một điện báo bằng chữ cái morse qua việc gõ vào bàn tay ông” (mật mã morse chẳng có bất kỳ người nào khác hiện diện biết được, chính bản thân ông cũng chỉ biết lẩm bẫm) và ông Crookes nói thêm: “Điều này khiến tôi tin chắc rằng có một người thao tác giỏi mật mã morse ở đầu bên kia đường dây, CHO DÙ ĐÂU ĐÓ Ở BẤT CỨ NƠI ĐÂU ĐI CHẴNG NỮA”^[51]. Trong trường hợp hiện nay liệu có là không đáng hoàng chẳng khi gợi ý rằng ông Cox nên tìm người thao tác nơi vương quốc riêng tư của y tức là Cõi Thông Linh? Nhưng cũng cái nan gỗ ấy còn làm được nhiều thứ tốt hơn nữa. Trong ánh sáng thanh thiên bạch nhật ở phòng ông Crookes người ta yêu cầu nó trình bày một thông điệp, “ . . . một cây bút chì và một tờ giấy đã nằm ở giữa bàn; bây giờ cây bút chì dựng đứng lên trên mũi của nó và sau khi tiến tới tờ giấy bằng những cơn lắc lư do dự thì nó lại ngã xuống. Thế rồi nó lại dựng đứng lên rồi lại ngã xuống . . . Sau ba toan tính không thành công, một cái nan gỗ nhỏ” (người thao tác mật mã morse) vốn nằm gần đó trên bàn bèn trượt về phía cây bút chì và nhô lên vài inches trên mặt bàn; cây bút chì lại dựng đứng

[48] “Các Khảo cứu, v.v..”, trang 91.

[49] Như trên, trang 86-87.

[50] Như trên, trang 94.

[51] Như trên, trang 95.

lên rồi dựa vào cây nan gỗ, cả hai cùng nhau cố gắng ghi dấu lên giấy. Nó lại ngã xuống rồi một nỗ lực chung lại được thực hiện. Sau lần thử thách thứ ba thì cây nan gỗ bèn đầu hàng và lùi về vị trí của mình, cây bút chì nằm sóng soài ra trên tờ giấy để lại một thông điệp bằng chữ cái cho ta biết rằng: "Chúng tôi đã thử cố gắng làm theo yêu cầu của ông, nhưng năng lực của chúng tôi đã cạn kiệt rồi" ^[52]. Từ ngữ chúng tôi biểu thị những cố gắng chung thông tuệ của cây nan gỗ kết bạn với cây bút chì ắt khiến ta nghĩ rằng có hai lực thông linh hiện diện.

Trong tất cả mọi điều này thì liệu có bằng chứng nào tác nhân điều khiển là "trí thông tuệ của người đồng cốt" hay chẳng? Ngược lại, liệu có hay chẳng mọi chỉ dẫn cho thấy chuyển động của cây nan gỗ và cây bút chì được điều khiển bởi các vong linh "của người chết" hoặc ít ra là chơn linh của một số thực thể khác vô hình nhưng có trí thông minh? Chắc chắn là từ ngữ từ khí trong trường hợp này cũng chẳng giải thích được bao nhiêu so với thuật ngữ *lực thông linh*; tuy nhiên ta có nhiều lý do sử dụng từ khí hơn là lực thông linh, nếu chỉ vì sự kiện đơn giản là từ khí *siêu việt* tức thuật thôi mien Mesmer tạo ra những hiện tượng lạ có tác dụng giống hệt như những hiện tượng của thần linh học. Hiện tượng nhóm người bị *thur ếm* của Nam tước Du Potet và Regazzoni cũng trái ngược với những định luật đã được chấp nhận trong sinh lý học giống như việc cái bàn bốc lên mà không ai đụng tới trái ngược với các định luật của vật lý học. Cũng như những người khỏe mạnh thường thấy mình không thể nhấc lên một cái bàn nhỏ chỉ nặng có vài cân Anh. Và khi cố gắng làm như thế sẽ làm vỡ bàn ra thành từng mảnh vụn; cũng vậy một tác nhân thực nghiệm (trong số đó đôi khi có cả hàn lâm viện sĩ) hoàn toàn không thể bước ngang qua một đường vẽ bằng phấn do Du Potet thực hiện trên sàn nhà. Có một dịp một vị tướng người Nga nổi tiếng là đa nghi cứ khăng khăng bước cho đến khi ông ngã vật ra mặt đất co giật dữ dội. Trong trường hợp này, lưu chất từ khí tạo ra một sự chống đối như thế là lực thông linh của ông Cox vốn phú cho những cái bàn một trọng lượng phi thường siêu tự nhiên. Nếu chúng cũng tạo ra các hiệu ứng tâm lý và sinh lý giống nhau thì ta đủ lý do để tin rằng chúng ít nhiều đồng nhất với nhau. Chúng tôi không nghĩ rằng mình có thể phản đối sự suy diễn một cách rất hợp lý. Ngoài ra nếu ta thậm chí chối bỏ sự kiện này thì chẳng có lý do gì tại sao nó không được như thế. Có một lần, mọi hàn lâm viện của giáo hội Ki Tô đều đồng ý chối bỏ rằng trên mặt trăng có bất kỳ núi non nào và có một lúc mà nếu bất kỳ người nào dám cả gan khẳng định có sự sống nơi những vùng cao của khí quyển cũng nơi những chỗ sâu thẳm khôn dò của đại dương thì ắt bị gán cho là kẻ điên hoặc kẻ dốt đặc cán mai.

Trong một kỳ thảo luận với một "cái bàn được thần linh hóa", Tu viện Trường mộ đạo Almiguana thường nói: "Ma quý mà khẳng định thì đó ắt phải là lời dối trá!" Chẳng bao lâu sau chúng tôi cũng chắc chắn khi tán rộng câu nêu trên khiến cho nó đọc lên như sau: "Khoa học gia mà chối bỏ điều gì thì điều đó ắt phải đúng sự thật".

[52] Như trên, trang 94.